



BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN NỘI BỘ CỦA VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 49/2020

Từ 30/11 - 04/12/2020

TIN NỔI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

TIN TRUNG ƯƠNG

PHÁT BIỂU CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ TẠI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ TOÀN QUỐC LẦN THỨ II

Kính thưa các đồng chí Lãnh đạo, nguyên Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam,

Kính thưa các đồng chí lão thành cách mạng, mẹ Việt Nam anh hùng,

Kính thưa Đoàn Chủ tịch Đại hội, Thưa đồng bào, đồng chí!



Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc phát biểu chỉ đạo Đại hội. Ảnh: Dương Giang/TTXVN

Hôm nay, tôi rất vui mừng phấn khởi cùng với các đồng chí Lãnh đạo, nguyên lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về dự Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số toàn quốc lần thứ II. Đây là một sự kiện có ý nghĩa chính trị, xã hội sâu sắc, một biểu tượng đặc biệt về khối đại đoàn kết các dân tộc, như “54 cánh sen tạo nên một Bông Sen Việt Nam” rực rỡ, ngát hương.

Thay mặt Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tôi xin gửi tới các bậc lão thành cách mạng, Mẹ Việt Nam anh hùng, anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động, nhân sỹ trí thức, văn nghệ sỹ, nghệ nhân, doanh nhân, người có uy tín, 1.593 đại biểu ưu tú dự Đại hội và đồng bào các dân tộc thiểu số trên mọi miền đất nước lời thăm hỏi ân cần, tình cảm thân thiết, lời chúc mừng sức khỏe, hạnh phúc. Chúc Đại hội của chúng ta thành công tốt đẹp.

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

*

TS. NGUYỄN TRỌNG THỪA
THỨ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ
PHÓ TRƯỞNG BAN BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

ÔNG PHẠM MINH HÙNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
BỘ NỘI VỤ
CHÁNH VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY

*

TRUNG TÂM THÔNG TIN
BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT
QUẬN NAM TỪ LIÊM - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI

024.62821016

EMAIL

BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN

WEBSITE

HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

Kính thưa toàn thể Đại hội, Thưa đồng bào, đồng chí!

Nhìn lại chặng đường 10 năm qua, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn, thách thức rất lớn, nhưng nước ta đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng và toàn diện trên hầu hết các lĩnh vực, từ miền xuôi đến miền ngược, từ đồng bằng lên miền núi, từ thành thị về nông thôn, từ đất liền ra đến hải đảo.

Việt Nam được cộng đồng quốc tế vinh danh là một nền kinh tế năng động, tăng trưởng nhanh tại châu Á với GDP tăng trung bình 6,3% trong 10 năm qua. Ngay cả khi thế giới phải đối mặt với đại dịch thế kỷ COVID-19. Việt Nam là một trong số ít nước trên thế giới đạt được mức tăng trưởng kinh tế dương trong năm 2020, thậm chí có thể là quốc gia duy nhất có tăng trưởng kinh tế dương ở khu vực Đông Nam Á, theo dự báo của Quỹ tiền tệ quốc tế IMF.

Sự phát triển của quốc gia đến từ thành công của các địa phương. Bên cạnh các địa phương phát triển luôn duy trì sức tăng trưởng cao, các tỉnh khó khăn - nhất là các tỉnh miền núi Phía Bắc, nhiều tỉnh Miền Trung, Đồng Bằng Sông Cửu Long, Tây Nguyên nơi có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống vẫn luôn nỗ lực để đạt tăng trưởng khá, với ý chí không để tỉnh nhà bị bỏ lại phía sau, quyết tâm phải làm cho các dân tộc tỉnh nhà ngày càng vươn lên cuộc sống ấm no, tốt đẹp hơn. Sự thay da đổi thịt ở nhiều nơi có thể cảm nhận hàng ngày như: Hà Giang, Tuyên Quang, Sơn La, Lai Châu, Điện Biên, Lào Cai, Yên Bái, Thái Nguyên, Bắc Kạn, Hòa Bình, Cao Bằng, Gia Lai, Kon Tum, Đắk Nông, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Bình Phước, Sóc Trăng, Trà Vinh, v.v...

Những năm qua, Đảng và Nhà nước đã ưu tiên bố trí nguồn lực để thực hiện hỗ trợ về giáo dục, y tế, phát triển hạ tầng, kinh tế xã hội cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, chiếm 71,4% tổng chi cho các nhiệm vụ này của cả nước, chiếm 80% tổng chi giảm nghèo của vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Nguồn lực Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững được ưu tiên bố trí thực hiện cho địa bàn dân tộc, miền núi, chiếm 70% tổng vốn Chương trình qua các giai đoạn. Nguồn vốn cho vay của Ngân hàng Chính sách xã hội chiếm 52,5% tổng dư nợ cả nước trên địa bàn miền núi, dân tộc. Với những quyết tâm và nguồn lực tập trung đầu tư mạnh mẽ như vậy, chúng ta vui mừng nhận thấy: đến nay, 100% các xã đã có đường ô tô đến trung tâm; 99% trung tâm xã và 80% thôn có điện; 65% xã có hệ thống thủy lợi nhỏ đáp ứng yêu cầu sản xuất và đời sống; 80% thôn có đường cho xe cơ giới; trên 50% xã có trạm y tế đạt chuẩn, 100% đồng bào dân tộc thiểu số có bảo hiểm y tế miễn phí.

Bên cạnh đó, các giá trị truyền thống, văn hóa tốt đẹp của đồng bào dân tộc thiểu số được quan tâm bảo tồn và phát huy, không chỉ trở thành một tài sản tinh thần cho con cháu mà còn là một tài nguyên mới cho sự phát triển, nhất là du lịch. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở các vùng đồng bào dân tộc được giữ vững. Công tác xây dựng Đảng đạt được nhiều kết quả tích cực. Hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng ở các vùng đồng bào dân tộc thêm đoàn kết, thống nhất, vững mạnh hơn. Niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước được củng cố và tăng cường hơn. Nhìn một cách tổng quát, đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào các dân tộc thiểu số chưa bao giờ được khởi sắc như ngày nay.

Chúng ta không chỉ một chiều nhìn thấy các chính sách mà Đảng và Nhà nước đã chăm lo cho đồng bào các dân tộc, mà chúng ta cũng nhận thấy đồng bào các dân tộc đã góp phần rất lớn vào những thành quả phát triển vĩ đại của đất nước xuyên suốt chiều dài lịch sử dựng nước, giữ nước của dân tộc ta, và gần đây nhất là thành quả của gần 35 năm Đổi mới đất nước.

Chỉ chiếm chưa đến 15% dân số, nhưng đồng bào các dân tộc đã và đang góp phần to lớn vào tiến trình phát triển của đất nước. Trong kháng chiến, nhiều chiến công oanh liệt, nhiều tên tuổi của những anh hùng vẫn sống mãi với chúng ta như Hoàng Văn Thụ, La Văn Cầu, Bế Văn Đàn, Đinh Núp, Lò Văn Giá, Sơn Ton, Hồ Vai, Pi Năng Tắc, Puih Thu... và hàng ngàn anh hùng liệt sĩ là người dân tộc thiểu số đã hy sinh anh dũng vì độc lập và tự do của dân tộc. Rất nhiều đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng - Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là người dân tộc thiểu số.

Trong hòa bình, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều hình thức vinh danh những người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số - đó là những đại diện tiêu biểu nhưng vẫn chưa đủ để đánh giá hết những đóng góp xuất sắc của đồng bào các dân tộc thiểu số cho sự phát triển của bản làng, quê hương, đất nước. Đây không phải là thành quả riêng lẻ của từng dân tộc, nó là sự kết tụ và giao hòa, thể hiện tinh thần đoàn kết gắn bó keo sơn máu thịt giữa các dân tộc anh em đồng bào - đồng chí - đồng nghĩa - đồng cảm,[1] “tình đồng chí, nghĩa đồng bào”. Có thể khẳng định, đoàn kết chính là cội nguồn sức mạnh của đại dân tộc Việt Nam ta. “Khi riêng rẽ, mỗi chúng ta chỉ là một giọt nước. Cùng nhau, chúng ta là đại dương”: Chỉ khi cùng nắm chặt tay nhau tiến lên - 54 dân tộc anh em Con Lạc - Cháu Rồng, chúng ta sẽ xây dựng được một quốc gia hùng mạnh.

Thay mặt Lãnh đạo Đảng và Nhà nước, tôi vô cùng xúc động và trân trọng ghi nhận, biểu dương và đánh giá cao đồng bào các dân tộc thiểu số cả nước đã đóng góp xứng đáng công sức của mình vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc giai đoạn vừa qua.

Vui mừng trước những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử đã đạt được, chúng ta cũng thừa nhận còn nhiều hạn chế khuyết điểm chưa thể làm được hay làm tốt hơn được.

Kinh tế đất nước mặt dù tăng trưởng cao trong nhiều năm trở lại đây, quy mô kinh tế giờ đây đã nhóm 4 nền kinh tế lớn nhất Đông Nam Á, song chúng ta vẫn còn ở nước có thu nhập trung bình, chúng ta vẫn phải nỗ lực rất nhiều để sớm hiện thực hóa khát vọng về một Việt Nam hùng cường vào năm 2045 - sánh vai với các nước phát triển như Bác Hồ mong ước.

Nhà nước đã đầu tư đáng kể vào kết cấu hạ tầng vùng đồng bào dân tộc thiểu số nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu, trong khi ở nhiều nơi, các dự án đầu tư vẫn chưa mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội mong muốn. Kết quả thực hiện một số nhiệm vụ chủ yếu, cấp bách đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nhất là khu vực Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ và Tây duyên hải Miền Trung chuyển biến chậm.

So với sự phát triển của cả nước và ở từng địa phương, đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn, nhất là ở vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa; tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo, nguy cơ tái nghèo còn cao, khoảng cách thu nhập so với cả nước ngày càng dãn cách.

Kỹ năng lao động của người dân tộc thiểu số còn thấp, khiến cho cơ hội việc hạn chế và thu nhập chậm được cải thiện.

Hiện tượng di cư tự do, vấn nạn tàng trữ, buôn bán, sử dụng chất ma túy ở một số thôn bản còn diễn ra phức tạp; tình hình an ninh trật tự ở các tuyến biên giới, cửa khẩu có nhiều thách thức; bản sắc văn hóa của nhiều dân tộc thiểu số đang đứng trước nguy cơ mai một, trong khi nhiều hủ tục lạc hậu chậm được khắc phục, nhất là vấn nạn tảo hôn và tình trạng hôn nhân cận huyết làm suy kiệt nòi giống.

Kính thưa toàn thể Đại hội, thưa đồng bào, đồng chí!

Cộng đồng các dân tộc thiểu số là một bộ phận không thể tách rời và là “máu - thịt” của dân tộc Việt Nam, “no đói có nhau, sướng khổ cùng nhau”. Đầu tư phát triển toàn diện vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là đầu tư phát triển bền vững đất nước, đảm bảo tiến bộ và công bằng xã hội; là yếu tố có tính nền tảng để đảm bảo đại đoàn kết toàn dân tộc. Trong không khí long trọng, trang nghiêm của Đại hội, chúng ta thành kính tưởng nhớ công lao trời biển của Bác Hồ muôn vàn kính yêu, cùng nhau nhắc nhở lời căn dặn thiêng liêng của Người: “Đồng bào Kinh hay Thô, Mường hay Mán, Jrai hay Ê Đê, Xơ Đăng hay Ba Na và các dân tộc thiểu số khác đều là con cháu Việt Nam, đều là anh em ruột thịt. Chúng ta sống chết có nhau, sướng khổ cùng nhau, no đói giúp nhau... chúng ta phải thương yêu nhau, kính trọng nhau, phải giúp đỡ nhau để mưu cầu hạnh phúc. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, nhưng lòng đoàn kết của chúng ta không bao giờ giảm bớt”.

Trong hệ thống quan điểm hướng đến đồng bào các dân tộc anh em mà Bác đã dặn, có hai điều quan trọng nhất mà chúng ta không được phép quên, đó là: “Đoàn kết các dân tộc và nâng cao thực chất đời sống của đồng bào”.

Trên tinh thần đó, tôi đề nghị thời gian tới, các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị từ Trung ương đến cơ sở cần tập trung thực hiện thật tốt các nội dung sau:

Một là, các cấp ủy, tổ chức đảng và chính quyền từ Trung ương đến các địa phương, cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có trách nhiệm tiếp tục phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện hiệu quả Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới. Trên cơ sở đó xây dựng chương trình hành động, kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện. nỗ lực cao nhất để giải quyết căn bản những vấn đề bức thiết đặt ra trong thực tiễn, tạo sinh kế, nâng cao thu nhập và đời sống của người dân, thực hiện phương châm hành động “không để ai bị bỏ lại phía sau”.

Hai là, tiếp tục đổi mới tư duy, hành động quyết liệt, với quyết tâm chính trị cao nhất, thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 88/2019/QH14 và Nghị quyết số 120/2020/QH14 của Quốc hội khóa 14 và Quyết định số 1409/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch triển khai Nghị quyết 120/2020/QH14 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.

Chính quyền các địa phương cần phát huy tính năng động, sáng tạo, trên cơ sở các tiềm năng, lợi thế của địa phương, tập trung nỗ lực và nguồn lực để sớm cụ thể hóa tinh thần Kết luận số 65-KL/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết 120/2020/QH14 của Quốc hội và Quyết định số 1409/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, trong đó tinh thần lớn nhất là phải đẩy mạnh phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo nhanh, bền vững và tránh tái nghèo; các chính sách hỗ trợ của Nhà nước cần tập trung khuyến khích đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, tạo việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số; thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập so với mặt bằng chung cả nước; quy hoạch, sắp xếp ổn định dân cư, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, liên vùng, kết nối với các vùng phát triển xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, gần dân hơn, hiểu dân hơn, trọng dân hơn, và hết mực phụng sự dân; tăng cường giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đảm bảo an ninh biên giới quốc gia.

Ba là, tôi mong muốn đồng bào dân tộc thiểu số của chúng ta dù khó khăn vất vả đến đâu cũng phải ưu tiên thời gian và tiền của, tạo mọi điều kiện để cho con em chúng ta được đến trường, được vui chơi, được học hành đến nơi, đến chốn. Chỉ có giáo dục mới là con đường duy nhất đưa bản làng, quê hương, đất nước chúng ta phát triển giàu mạnh được. Trong tương lai, ngày mai tươi sáng phụ thuộc vào những gì chúng ta chuẩn bị trong ngày hôm nay. Chúng ta hãy cùng vun đắp khát vọng vượt khó vươn lên, phấn đấu làm giàu chính đáng, ngay trên mảnh đất quê hương mình.

Hãy cùng nhau giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc (về tiếng nói, chữ viết, dân ca, dân vũ, dân nhạc...); đồng thời, cần kiên quyết bài trừ các hủ tục lạc hậu, mê tín, dị đoan, nạn tảo hôn và hôn nhân cận huyết. Hãy tìm cách chuyển hóa các di sản và bản sắc dân tộc đó trở thành một nguồn lực, một thứ tài nguyên cho sự phát triển bền vững. Hãy truyền dạy cho con cháu muôn đời về lòng yêu nước của cha ông ta, về tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc; về đức tính cần cù, chịu khó, thật thà, tốt bụng; về ý chí dấn thân vì cộng đồng, đất nước; hãy khơi gợi tinh thần và Khát vọng về một Việt Nam hùng cường 2045 trong đồng bào dân tộc thiểu số.

Bốn là, Rừng là lá phổi của chúng ta. Với đồng bào dân tộc thiểu số, rừng trước tiên còn là tấm áo giáp góp phần bảo vệ an toàn khỏi thiên tai, lũ lụt, sạt lở. Rừng cũng là sinh kế của đồng bào. Vì thế, đã đến lúc đồng bào dân tộc thiểu số phải giữ rừng như chính sinh mạng của mình. Cùng nhau lên án và chặn đứng tệ nạn khai thác, chặt phá rừng trái phép. Đảng và Nhà nước sẽ tiếp tục chỉ đạo nghiên cứu để ban hành cơ chế, chính sách phù hợp hơn với thực tế; từng bước để đồng bào tăng thu nhập, đảm bảo lợi ích nhiều mặt từ bảo vệ và phát triển rừng, bảo vệ lá phổi xanh cho đất nước, góp phần quan trọng phòng chống thiên tai và biến đổi khí hậu.

Năm là, chúng ta phải cùng nhau tiếp tục xây dựng, vun đắp cho tinh thần đại đoàn kết các dân tộc trường tồn mãi mãi. Như Bác Hồ kính yêu từng dạy: “Trước kia các dân tộc để giành độc lập phải đoàn kết, bây giờ để giữ lấy nền độc lập càng phải đoàn kết hơn nữa”. Đại đoàn kết là cội nguồn sức mạnh, là truyền thống quý báu của dân tộc ta, được bao thế hệ cha anh bền bỉ xây dựng, vun đắp, bằng mồ hôi, công sức; bằng sự nhọc nhằn, hy sinh; bằng ý chí, sức

manh và niềm tin của lòng dân. Bởi vậy, tôi rất kỳ vọng gần 1.600 đại biểu ưu tú của 54 dân tộc anh em, từ mọi miền của đất nước hội tụ về Đại hội hôm nay sẽ lan tỏa tinh thần Đại đoàn kết các dân tộc lên tầm cao mới; truyền cảm hứng, kết nối đồng bào các dân tộc thiểu số cùng với toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, đồng lòng chung sức, hiện thực hóa khát vọng xây dựng đất nước ta phát triển cường thịnh, hạnh phúc, sánh vai với các cường quốc năm châu.

Kính thưa toàn thể Đại hội, thưa đồng bào, đồng chí!

Từ diễn đàn Đại hội hôm nay, chúng ta tin tưởng sâu sắc rằng, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng sắp tới, sẽ đánh giá đúng đắn thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử đã đạt được, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm rút ra của khóa XII. Đồng thời, đề ra được chủ trương, quyết sách lớn, khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy ý chí sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, kết hợp với sức mạnh truyền thống với bản sắc văn hóa của các dân tộc với sức mạnh của thời đại; tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; xây dựng và bảo vệ vững chắc tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng và văn minh.

Xin chúc các vị đại biểu, đồng bào, đồng chí mạnh khỏe; Chúc Đại hội của chúng ta thành công tốt đẹp; Chúc khối đại đoàn kết toàn dân tộc Việt Nam ta ngày càng vững mạnh. Cơ đồ đất nước, vinh quang tổ quốc đòi hỏi thuộc về cộng đồng các dân tộc Việt Nam ta.

Xin trân trọng cảm ơn.

Nguồn: baohinhphu.vn

PHÓ THỦ TƯỚNG THƯỜNG TRỰC CHÍNH PHỦ: YÊU CẦU NGÀNH NGÂN HÀNG ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH

Sáng ngày 5/12, tại Hà Nội, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Trương Hoà Bình, Trưởng Ban chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ tham dự Hội nghị trực tuyến Tổng kết 10 năm thực hiện chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước theo Nghị quyết số 30c/NQ-CP của Chính phủ và định hướng 10 năm tới.

Báo cáo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam do Phó Thống đốc Đào Minh Tú trình bày cho biết: ngành Ngân hàng luôn nhận thức rõ vị thế là một ngành kinh tế trọng yếu, huyết mạch của nền kinh tế, lấy lợi ích, sự hài lòng cho người dân, tiết kiệm chi phí, môi trường kinh doanh thuận lợi làm thước đo cải cách hành chính và xác định cải cách hành chính là xu hướng tất yếu khách quan để ngành Ngân hàng làm tốt chức năng, nhiệm vụ trong điều hành kinh tế vĩ mô và cung ứng vốn, các dịch vụ tiền tệ, thanh toán cho nền kinh tế cũng như nhanh chóng hội nhập và phát triển.

Thời gian qua, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã lựa chọn những mô hình cải cách mới nhất của hoạt động ngân hàng trên thế giới phù hợp với điều kiện thực tiễn Việt Nam, hoạch định lộ trình áp dụng rõ đến từng năm và thường xuyên bổ sung các nhiệm vụ cải cách mới

với mục tiêu cao hơn. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã 2 lần trong Top 3 và liên tiếp 5 năm gần đây xếp vị trí dẫn đầu xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ trong số các Bộ, cơ quan Trung ương. Cải cách hành chính ngành Ngân hàng đã góp phần đưa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trở thành đơn vị dẫn đầu Chỉ số công khai ngân sách năm 2019 và tài liệu Dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 trong tất cả các bộ, cơ quan Trung ương.

Trong 10 năm, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tiếp nhận và giải quyết hơn 20.000 hồ sơ thủ tục hành chính, gần 200 thủ tục đã được đơn giản hóa, bãi bỏ, tạo thuận lợi hơn cho tổ chức, cá nhân trong giao dịch hành chính với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Kết quả khảo sát sự hài lòng của tổ chức/cá nhân về kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho thấy chỉ số hài lòng hàng năm đều đạt trên 98%.

Theo đó, cải cách hành chính đã tạo sự chuyển biến vượt bậc trong toàn ngành Ngân hàng, cả về nhận thức, hành động và đã đạt được những kết quả tích cực trên cả 6 lĩnh vực thuộc chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước.

Phát biểu tại Hội nghị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Trương Hoà Bình biểu dương những kết quả tích cực đã đạt được của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và ngành Ngân hàng trong 10 năm triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020.

Đánh giá về những kết quả nổi bật đã đạt được, Phó Thủ tướng Thường trực nêu rõ: Công tác cải cách hành chính của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 được tiến hành đồng bộ, bài bản và đạt được nhiều kết quả tích cực trên tất cả các lĩnh vực. Qua 8 năm đánh giá Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index), có 5 năm liên tiếp gần đây, Ngân hàng Nhà nước là cơ quan duy nhất liên tục xếp thứ nhất trong số 19 Bộ, cơ quan. Kết quả nổi bật này là minh chứng của sự chỉ đạo quyết liệt, mạnh mẽ, liên tục, sự thống nhất từ nhận thức đến hành động của cấp ủy, lãnh đạo cũng như toàn thể cán bộ, công chức, người lao động ngành Ngân hàng.

Theo đó, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã căn bản hoàn thiện hệ thống thể chế pháp luật về quản lý hoạt động ngân hàng, tiền tệ đáp ứng yêu cầu quản lý, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, sự phát triển của ngành Ngân hàng và phù hợp với thông lệ, chuẩn mực quốc tế. Điển hình như các thể chế, pháp luật về chuẩn mực an toàn trong hoạt động của hệ thống các tổ chức tín dụng, quản lý ngoại hối, điều hành chính sách tiền tệ, thị trường vàng. Nhờ đó, khuôn khổ điều hành chính sách tiền tệ được hoàn thiện, đáp ứng mục tiêu kiểm soát lạm phát, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, nâng cao hiệu quả huy động và phân bổ nguồn vốn của nền kinh tế, tháo gỡ khó khăn cho các khu vực sản xuất kinh doanh, khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là một trong những cơ quan đi đầu trong cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh. Ngay từ giai đoạn triển khai Đề án 30, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là cơ quan đầu tiên công bố Bộ thủ tục hành chính chính thuộc phạm vi chức năng quản lý, đã hoàn thành thực thi phương án đơn giản hóa 147/213 thủ tục hành chính (đạt 70%); từ năm 2018 đến nay, đã cắt giảm, đơn giản hóa 29% điều kiện

kinh doanh; đáp ứng tốt yêu cầu giao dịch hành chính thuận tiện, minh bạch, tiết giảm chi phí đối với doanh nghiệp và người dân. Đồng thời, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chỉ đạo các tổ chức tín dụng đơn giản hóa, cắt giảm mạnh mẽ thủ tục giải quyết công việc, ứng dụng công nghệ thông tin và dịch vụ trực tuyến tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, người dân trong mọi lĩnh vực giao dịch về tiền tệ, tín dụng, thanh toán.

Theo Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ, những kết quả trên của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam góp phần vào cải thiện môi trường kinh doanh của Việt Nam. Theo báo cáo về Môi trường kinh doanh 2020 được Ngân hàng Thế giới công bố tháng 10 năm 2019, chỉ số tiếp cận tín dụng của Việt Nam hiện xếp thứ 25/190 nền kinh tế, là chỉ số xếp thứ hạng cao nhất trong số 10 chỉ số đánh giá môi trường kinh doanh, xếp thứ 2 trong ASEAN (sau Brunei). Đây là một điểm sáng, thể hiện sự quyết tâm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong việc chỉ đạo các tổ chức tín dụng tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp được tiếp cận tín dụng công bằng, minh bạch.

Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận. Theo đó, cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được tổ chức thành hệ thống tập trung, thống nhất với 89 đầu mối cấp vụ, cục và tương đương. Về số lượng đầu mối cấp phòng, mặc dù số lượng đầu việc tăng từ 35 lên 37 nhiệm vụ, nhưng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã cắt giảm được 74 phòng trong toàn hệ thống. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng giảm từ 11 đầu mối xuống còn 08 đầu mối; tổ chức phòng thuộc Cơ quan thanh tra giám sát ngân hàng giảm 18 phòng, từ 48 xuống còn 30. Giai đoạn 2015 - 2019, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã thực hiện tinh giản biên chế 385 người theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã triển khai thực hiện nghiêm các quy định về xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; hình thành nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của tiến trình hội nhập quốc tế về hoạt động ngân hàng; đã thực hiện tuyển dụng bằng phương thức điện tử, bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng, khách quan trong công tác thi tuyển để nâng cao chất lượng đầu vào của cán bộ, công chức.

Về cải cách tài chính công, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ đánh giá, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã có những kết quả bước đầu trong thay đổi tư duy và nhận thức của công chức, viên chức đối với vấn đề tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính. Công tác tài chính, kế toán ngày càng hoàn thiện, đáp ứng và phù hợp với các chuẩn mực và thông lệ quốc tế. Đã giao tự chủ về tài chính cho toàn bộ các đơn vị sự nghiệp công lập (01 đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên; 06 đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên); đã xây dựng và hình thành giá dịch vụ sự nghiệp công; đã giao nhiệm vụ và đặt hàng sản phẩm dịch vụ công đối với các đơn vị sự nghiệp. Việc quản lý, điều hành ngân sách ngày càng sát với thực tế, đáp ứng được các yêu cầu từ thực tiễn; bảo đảm sử dụng kinh phí tiết kiệm, hiệu quả.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cũng là một trong những Bộ, cơ quan đi đầu về ứng dụng công nghệ thông tin và đẩy mạnh xây dựng Chính phủ điện tử. Đã ứng dụng công nghệ thông tin để điện tử hóa, đồng bộ các hoạt động điều hành, tác nghiệp hành chính. Đặc biệt, từ nhiều

năm nay đã hình thành hệ thống thanh toán điện tử phục vụ cho hầu hết các hoạt động thanh toán trong nền kinh tế; tạo điều kiện để người dân, doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế sử dụng các dịch vụ, tiện ích ngân hàng điện tử.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành đồng bộ chính sách, chương trình, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, an ninh, an toàn thông tin và triển khai đạt được nhiều kết quả tích cực, đã ban hành kiến trúc Chính phủ điện tử; đã có 61/348 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được triển khai; tích cực tham gia Cơ chế một cửa Quốc gia và Cơ chế một cửa ASEAN. Triển khai tích hợp, cung cấp thông tin, dữ liệu của 08 chỉ tiêu thuộc phạm vi quản lý với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Đề cập đến phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm thời gian tới, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Trương Hoà Bình cơ bản nhất trí với phương hướng, nhiệm vụ Hội nghị đề ra và đề nghị Ban lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tập trung chỉ đạo ngành ngân hàng tiếp tục triển khai một cách đồng bộ, quyết liệt và toàn diện các nhiệm vụ cải cách hành chính trọng tâm và trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, bảo đảm ổn định, an toàn hệ thống các tổ chức tín dụng, khuyến khích cạnh tranh lành mạnh, bảo đảm kỷ luật, kỷ cương, thượng tôn pháp luật và tôn trọng các quy luật thị trường, thúc đẩy đầu tư sản xuất phát triển kinh tế và hội nhập quốc tế, kiến tạo môi trường kinh doanh...

Cụ thể, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ lưu ý ngành Ngân hàng một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau đây:

Một là, tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính, coi đây là động lực, giải pháp để hoàn thành những mục tiêu đã được xác định trong Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, nhằm hiện đại hóa hoạt động, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và phát triển hệ thống các tổ chức tín dụng minh bạch, cạnh tranh, an toàn, hiệu quả bền vững, phù hợp với chuẩn mực hoạt động theo thông lệ quốc tế, phục vụ đắc lực cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đất nước giai đoạn tới.

Hai là, tiếp tục đẩy mạnh, tập trung hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, cơ chế, chính sách phù hợp với thông lệ, chuẩn mực quốc tế; đảm bảo hệ thống pháp luật ngân hàng đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, đáp ứng tốt hơn yêu cầu quản lý nhà nước đối với hoạt động ngân hàng và tiền tệ trong giai đoạn tới. Tập trung vào đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Ngân sách nhà nước, Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Phòng chống rửa tiền... Hoàn thiện cơ chế, chính sách về thanh tra, giám sát ngân hàng, các quy định về xử lý nợ xấu; về ứng dụng các phương tiện thanh toán mới, hiện đại, tăng cường thanh tra giám sát, không để xảy ra các vi phạm của các ngân hàng như trước đây, dẫn đến phải xử lý vi phạm, truy tố hình sự. Đội ngũ thanh tra giám sát này phải chuyên nghiệp, nắm vững nghiệp vụ, có phẩm chất liêm khiết, trong sạch, không bị cám dỗ...

Ba là, tiếp tục sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy hành chính tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03/02/2018 về Chương

trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị Trung ương 6 Khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 27/01/2018 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 Khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Đẩy mạnh cải cách tài chính công, triển khai có hiệu quả cơ chế tự chủ về tài chính đối với từng loại hình tổ chức.

Bốn là, đẩy mạnh cải cách công vụ, công chức, thực hiện tốt việc xây dựng cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao chất lượng, hiệu quả thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Triển khai có hiệu quả chính sách tinh giản biên chế theo quy định tại Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế.

Năm là, tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho sản xuất kinh doanh của người dân, doanh nghiệp, góp phần cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Xây dựng ngành Ngân hàng trong sạch vững mạnh, kiên quyết chống tham nhũng, tiêu cực, lợi ích nhóm để bảo đảm môi trường đầu tư kinh doanh, tăng cường tốt công tác quản lý nhà nước để các ngân hàng thương mại hoạt động lành mạnh, hiệu quả. Tổ chức triển khai có chất lượng, hiệu quả các nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao liên quan đến công tác cải cách thủ tục hành chính, như: Cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025; triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử... Tổ chức triển khai xây dựng Chính phủ điện tử, hướng tới Chính phủ số, nền kinh tế số, gắn kết chặt chẽ với cải cách hành chính, nhất là thủ tục hành chính, nhằm tăng cường tính hiệu quả, bền vững. Tập trung hoàn thành các mục tiêu tại Nghị quyết của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử đến năm 2025. Tổ chức triển khai có hiệu quả Chương trình “Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

Sáu là, tăng cường công tác theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị; sử dụng hiệu quả Chỉ số cải cách hành chính trong theo dõi, đánh giá; quan tâm việc triển khai khảo sát, đo lường mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan của ngành ngân hàng; đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính...

Tại Hội nghị, Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã trao Bằng khen của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác cải cách hành chính giai đoạn qua.

Nguồn: baochinhpvu.vn

TỔ CÔNG TÁC CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ: KHÔNG ĐỀ NỢ ĐỘNG VĂN BẢN SANG CHÍNH PHỦ KHÓA MỚI

Sáng ngày 03/12, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Mai Tiến Dũng, Tổ trưởng Tổ công tác của Thủ tướng chủ trì cuộc họp làm việc với các Bộ, cơ quan về tình hình xây dựng, trình ban hành các văn bản quy định chi tiết luật, pháp lệnh đã có hiệu lực và có hiệu lực từ 01/01/2021, tình hình xây dựng, trình ban hành các đề án trong Chương trình công tác năm 2020 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Đây là cuộc làm việc thứ 102 của Tổ công tác từ khi được thành lập và là cuộc làm việc thứ 4 trong năm 2020 nhằm đôn đốc, đẩy nhanh tiến độ trình ban hành văn bản của các bộ, cơ quan.

Theo Tổ trưởng Tổ công tác, hiện nay còn 7 nghị định nợ đọng. Ngoài ra, với các văn bản có hiệu lực từ 01/01/2021, theo quy định, phải ban hành chậm nhất là ngày 15/11/2020.

Theo dự kiến trước đây, số văn bản có hiệu lực từ 01/01/2021 là 49 văn bản. Chỉ đạo của Chính phủ là cắt giảm tối đa số lượng văn bản quy định chi tiết theo hướng 1 luật chỉ ban hành tối đa 2 nghị định quy định chi tiết, 1 nghị định chỉ ban hành 1 thông tư hướng dẫn. Đến nay từ 49 văn bản cắt giảm được 17 văn bản. Như vậy, sau khi tích hợp, tổng số văn bản chi tiết có hiệu lực từ 01/01/2021 là 32 văn bản. Đến nay đã trình 2 văn bản, còn 30 văn bản chưa ban hành. Trong 30 văn bản này đã có 7 văn bản đã được gửi đến Văn phòng Chính phủ.

Đối với chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, đến ngày 02/12 có 38/367 đề án trong chương trình nợ đọng, chiếm 10,3%, trong đó các Bộ tham dự buổi làm việc có 25 đề án nợ đọng.

“38 đề án, cộng với văn bản trong chương trình công tác của tháng 12/2020 là 99 văn bản, tổng cộng là 137. Đây là nhiệm vụ rất lớn, không làm nhanh sẽ nợ đọng”, Tổ trưởng Tổ công tác nêu.

Nhấn mạnh hơn để các Bộ, cơ quan đẩy nhanh tiến độ, Tổ trưởng Tổ công tác nêu: “Chính phủ khóa XII nợ đọng 59 văn bản chi tiết, Chính phủ khóa XIII nợ 38 văn bản, bây giờ chúng ta không làm nhanh thì Chính phủ khóa XIV sẽ nợ đọng văn bản cao hơn Chính phủ khóa XIII”.

Trên tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Tổ công tác đề nghị các Bộ, cơ quan tiếp tục rà soát lại toàn bộ theo tinh thần 1 luật chỉ ban hành tối đa 2 nghị định quy định chi tiết, 1 nghị định chỉ ban hành 1 thông tư hướng dẫn. Cuộc họp cũng đề nghị các Bộ, cơ quan nêu lý do nợ đọng, khẳng định có giảm số văn bản được không, thời gian hoàn thành... vì chỉ còn không đầy một tháng nữa sẽ kết thúc năm 2020 và “Bộ, cơ quan nào đã hứa mà không làm được phải chịu trách nhiệm”.

Theo ông Lê Hoàng Tùng, Vụ trưởng Vụ Tổng hợp (Văn phòng Chính phủ), năm 2020, trong các nghị quyết của phiên họp Chính phủ, Chính phủ đều đôn đốc xây dựng văn bản và chương trình công tác.

Về văn bản quy định chi tiết, từ đầu năm đến nay, Chính phủ đã ban hành 48/55 văn bản quy định chi tiết, còn nợ đọng 7 văn bản thuộc trách nhiệm của các Bộ: Công an 3 văn bản, Giáo dục và Đào tạo 1 văn bản, Tài chính 1 văn bản, Nội vụ 1 văn bản, Công Thương 1 văn bản.

Với văn bản quy định chi tiết có hiệu lực từ 01/01/2021, theo kế hoạch có 49 văn bản, tuy nhiên theo chỉ đạo của Chính phủ, các Bộ, cơ quan đã thực hiện cắt giảm văn bản chi tiết như Tổ trưởng Tổ công tác đã nêu. Hiện, còn 23 văn bản chưa trình, thuộc các Bộ: Lao động – Thương binh và Xã hội 4 văn bản, Tài chính 7 văn bản, Kế hoạch và Đầu tư 5 văn bản, Nội vụ 4, Xây dựng 7 văn bản...

Bộ Công an cho biết, tháng 11/2020 chậm 5 văn bản, hiện đã thực hiện 2 văn bản, còn 3 văn bản nợ đọng, trong đó có văn bản liên quan Luật An ninh mạng và Luật Công an xã cần cân nhắc kỹ và đang tiếp tục lấy ý kiến. Về chương trình công tác có 6 đề án nợ đọng. Tổ trưởng Tổ công tác đề nghị Bộ Công an riêng văn bản nợ đọng phải hoàn thành, trừ 2 văn bản liên quan Luật An ninh mạng và Luật Công an xã.

Tổ trưởng Tổ công tác nhấn mạnh: “Những gì thực hiện được phải làm bằng được, không để nợ đọng đến Chính phủ khóa mới”.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cho biết còn 11 đề án cần trình trong tháng 11 và 12 này. Trong 11 văn bản nợ đọng, Bộ cam kết 5 đề án nợ của tháng 11 sẽ trình trước ngày 8/12, còn lại 6 văn bản tiếp tục hoàn thiện, cam kết trình Chính phủ trước 25/12/2020. Tổ trưởng Tổ công tác đánh giá cao và thống nhất với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đến 31/12/2020 sẽ không nợ đọng văn bản, không nợ đọng chương trình công tác.

Đối với Bộ Tài chính, đại diện Vụ Pháp chế cho biết, về danh mục văn bản quy định chi tiết có hiệu lực từ 01/7/2020, Bộ còn Nghị định về quy định chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần, hiện đã gửi Văn phòng Chính phủ để trình Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Trương Hòa Bình xem xét trước khi trình Chính phủ. Về văn bản quy định chi tiết có hiệu lực từ 01/01/2021, hiện có 7 nghị định, trong đó có nhóm nghị định quy định chi tiết về Luật Chứng khoán sửa đổi.

Theo Bộ Tài chính, Luật Chứng khoán sửa đổi do Bộ Tài chính chủ trì có 6 nghị định, hiện Chính phủ đã ký ban hành 1 nghị định, còn 5 nghị định. Đối với nhóm văn bản phải trình tháng 12 có 5 văn bản trong chương trình, về nhóm này sẽ bảo đảm tiến độ trình trong tháng.

Đối với báo cáo này của Bộ Tài chính, Tổ trưởng Tổ công tác đề nghị ngay: “1 luật mà có 6 nghị định là không ổn”, đây là chương trình của trước đây và đề nghị Bộ Tài chính gom lại theo đúng tinh thần chỉ đạo đã nêu trên của Chính phủ.

Kết luận tại cuộc làm việc, Tổ trưởng Tổ công tác đánh giá cao sự cố gắng của các Bộ, cơ quan trong thời gian qua. Tuy nhiên, Tổ trưởng Tổ công tác nêu rõ, tính tổng các văn bản nợ đọng, văn bản có hiệu lực từ 01/01/2021, chương trình công tác còn lại trong tháng 12 là nợ đọng 174 văn bản, trong khi chỉ còn 27 ngày nữa là kết thúc năm 2020.

Tổ trưởng Tổ công tác đề nghị các Bộ, cơ quan rà soát, tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ về gộp văn bản trên tinh thần đã nêu trên. Đặc biệt, Tổ công tác đề nghị, tất cả văn

bản hướng dẫn chi tiết không được nợ đọng. Những văn bản nào cần lùi, cần rút không đưa vào chương trình công tác năm 2021 phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Nguồn: baochinhphu.vn

100% THỦ TỤC HÀNG KHÔNG THỰC HIỆN QUA BỘ PHẬN MỘT CỬA

Từ ngày 01/12/2020, Cục Hàng không Việt Nam tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả đối với 100% thủ tục hành chính lĩnh vực hàng không tại Bộ phận một cửa.

Trước đó, đã có 36 thủ tục hành chính hàng không thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Giao thông vận tải được tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận một cửa Cục Hàng không Việt Nam từ ngày 08/7/2019.

58 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Giao thông vận tải được tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận một cửa Cục Hàng không Việt Nam 01/12/2020.

Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thủ tục hành chính về lĩnh vực hàng không tại các Cảng vụ hàng không chưa thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Bộ phận một cửa. Trường hợp có sự thay đổi, Cục Hàng không Việt Nam sẽ có văn bản hướng dẫn riêng.

Đối với việc tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính qua Bru chính công ích, Cục Hàng không Việt Nam cho biết đã phối hợp với Tổng công ty Bưu điện Việt Nam (VNPost) cung ứng dịch vụ chuyển phát kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận một cửa Cục Hàng không Việt Nam để tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

Việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ Bru chính công ích được thực hiện thành hai giai đoạn.

Giai đoạn 1, Cục Hàng không Việt Nam phối hợp với VNPostt cung ứng dịch vụ chuyển phát kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua Bưu điện đến tổ chức, cá nhân đã đăng ký từ ngày 01/12/2020.

Giai đoạn 2, Cục Hàng không Việt Nam phối hợp với VNPost cung ứng dịch vụ tiếp nhận hồ sơ tại các điểm phục vụ bưu chính (bưu cục giao dịch) hoặc địa chỉ do tổ chức, cá nhân cung cấp từ Quý II/ 2021.

Nguồn: baogiaothong.vn

BỘ TÀI CHÍNH: VƯỢT 20% CHỈ TIÊU TÍCH HỢP DỊCH VỤ CÔNG MỨC 3, 4 TRÊN CÔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA

Đến nay, Bộ Tài chính đã hoàn thành kết nối, tích hợp 294/585 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên Cổng dịch vụ công quốc gia, vượt 20% so với chỉ tiêu được Chính phủ giao. Qua đó, góp phần cải cách, hiện đại hóa hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

Xây dựng Cổng dịch vụ công quốc gia là một nội dung quan trọng trong xây dựng Chính phủ điện tử, kết nối Chính phủ với người dân và doanh nghiệp. Với phương châm “lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm phục vụ”, Cổng dịch vụ công quốc gia hướng tới số hóa hồ sơ, giấy tờ giấy, chuyển hoạt động sử dụng hồ sơ, văn bản giấy, giao dịch trực tiếp sang hoạt động sử dụng hồ sơ, văn bản điện tử, giao dịch điện tử và cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc vào thời gian, địa giới hành chính.

Cổng dịch vụ công quốc gia chính thức đi vào hoạt động từ tháng 12/2019 đã trở thành công cụ quan trọng, hỗ trợ đắc lực cho quá trình đẩy mạnh phát triển Chính phủ điện tử của Việt Nam; góp phần thúc đẩy cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính thông qua việc ứng dụng công nghệ thông tin; hướng tới phục vụ tốt hơn cho người dân, doanh nghiệp, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về tích hợp thủ tục hành chính lên Cổng dịch vụ công quốc gia, thời gian qua, Bộ Tài chính là một trong những Bộ, ngành tiên phong trong đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả quản lý điều hành, minh bạch hóa hoạt động của cơ quan nhà nước, phục vụ tốt hơn người dân, doanh nghiệp; đóng góp tích cực vào xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

Bộ Tài chính đã chỉ đạo các đơn vị chủ động rà soát xây dựng lộ trình chi tiết triển khai, khẩn trương tích hợp các dịch vụ công trực tuyến lên Cổng dịch vụ công quốc gia. Bên cạnh đó, các đơn vị tiếp tục chuẩn hóa thông tin, dữ liệu thủ tục hành chính và cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, mã hồ sơ trên hệ thống một cửa điện tử bảo đảm công khai, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong tiếp cận, thực hiện, giám sát việc giải quyết thủ tục hành chính...

Theo Cục Tin học và thống kê tài chính, đến nay, Bộ Tài chính đã triển khai 979 dịch vụ công trực tuyến, trong đó, 106 dịch vụ công trực tuyến mức 1; 288 dịch vụ công trực tuyến mức 2; 192 dịch vụ công trực tuyến mức 3 và 393 dịch vụ công trực tuyến mức 4.

Đặc biệt, Bộ Tài chính đã hoàn thành kết nối, tích hợp 294/585 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên Cổng dịch vụ công quốc gia, đạt tỷ lệ hơn 50%, tăng 25 dịch vụ công trực tuyến so với yêu cầu của Văn phòng Chính phủ và vượt 20% so với quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 và Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ.

Trong đó, Tổng cục Thuế đã tích hợp 147 dịch vụ công trực tuyến, Tổng cục Hải quan tích hợp 72 dịch vụ công trực tuyến.

Dịch vụ công thứ 1.000 cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia được công bố ngày 19/8/2020 là dịch vụ kê khai, nộp lệ phí trước bạ và nộp tờ khai đăng ký ô tô xe máy. Đây là dịch vụ rất quan trọng và rất khó bởi lần đầu tiên triển khai và phải cấu trúc lại quy trình thủ tục. Để cung cấp dịch vụ công này, ngành Tài chính đã nỗ lực không ngừng trong việc đổi mới, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin, tích hợp hệ thống quản lý thuế với hệ thống cổng thông tin dịch vụ quốc gia.

Bên cạnh đó, Bộ Tài chính cũng đã hoàn thành cung cấp bộ câu hỏi - trả lời trong giải quyết thủ tục hành chính để tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia. Bộ câu hỏi - trả lời nhằm giải đáp cho người dân, doanh nghiệp về những vấn đề phát sinh trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính và những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện chính sách pháp luật.

Cục Tin học và thống kê tài chính cho biết, trong số các dịch vụ công tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia nêu trên, dịch vụ công được người dân và doanh nghiệp sử dụng nhiều nhất là: Khai thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với 2.277.445 hồ sơ được giải quyết; Dịch vụ nộp thuế điện tử với 1.796.629 hồ sơ được giải quyết; Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn/mất, cháy, hỏng hóa đơn với 1.711.399 hồ sơ được giải quyết; Hủy tờ khai hải quan với 33.566 hồ sơ được giải quyết; Khai bổ sung hồ sơ hải quan với 66.386 hồ sơ được giải quyết...

Với tài khoản đăng nhập trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, người dân, doanh nghiệp có thể thực hiện được tất cả các dịch vụ công trực tuyến và theo dõi quá trình hoàn thành thủ tục hành chính mà không cần phụ thuộc vào thời gian, địa điểm.

Nguồn: tapchitaichinh.vn

202 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH KẾT NỐI CƠ CHẾ MỘT CỬA QUỐC GIA

Hiện đã có 202 thủ tục hành chính của 13 Bộ, ngành được chính thức triển khai trên Cơ chế một cửa quốc gia, với trên 3,44 triệu hồ sơ của hơn 42,7 nghìn doanh nghiệp tham gia.

Theo Tổng cục Hải quan, Cơ quan Thường trực Ủy ban chỉ đạo quốc gia Cơ chế một cửa ASEAN (ASW), Cơ chế một cửa quốc gia (NSW) và tạo thuận lợi thương mại, cơ quan này đang tiếp tục phối hợp với các bộ, ngành kết nối thêm thủ tục mới.

Về triển khai Cơ chế một cửa ASEAN, Việt Nam tiếp tục trao đổi thông tin chứng nhận xuất xứ mẫu D điện tử với tất cả 9 nước ASEAN: Singapore, Malaysia, Indonesia, Thái Lan, Brunei, Campuchia, Myanmar, Lào và Philippines thông qua Cơ chế một cửa ASEAN. Đến ngày 15/11/2020, tổng số C/O Việt Nam nhận từ các nước ASEAN là 228.813 C/O, tổng số C/O Việt Nam gửi sang các nước là 303.412 C/O.

Đồng thời, Bộ Tài chính đang chuẩn bị các điều kiện kỹ thuật để sẵn sàng trao đổi thông tin tờ khai hải quan ASEAN và chứng nhận kiểm dịch thực vật. Theo kế hoạch của ASEAN, 2 chứng từ này dự kiến sẽ được kết nối trao đổi trong năm 2020.

Liên quan đến triển khai kết nối với đối tác ngoài ASEAN: Việt Nam đã hoàn thành việc kiểm thử kỹ thuật kết nối và trao đổi thông điệp thử nghiệm tờ khai hải quan xuất khẩu với Liên minh kinh tế Á - Âu; đang đàm phán trao đổi chứng nhận xuất xứ với Liên minh kinh tế Á - Âu; trao đổi thông tin C/O điện tử với Hàn Quốc; trao đổi chứng nhận điện tử với New Zealand (đã ký thỏa thuận hợp tác với New Zealand).

Đánh giá về hiệu quả khi triển khai Cơ chế một cửa quốc gia, Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa (Tổng cục Tiêu Chuẩn Đo lường Chất lượng) Trần Quốc Tuấn cho biết, việc triển khai thực hiện các thủ tục hành chính trên hệ thống một cửa quốc gia đã giúp doanh nghiệp giảm thời gian thực hiện các quy định, giảm khó khăn của việc phải giao dịch với nhiều đầu mối trong thực hiện các thủ tục hành chính, chủ động theo dõi được tiến độ xử lý của cơ quan có liên quan, đẩy nhanh việc đưa hàng hoá vào lưu thông, giảm chi phí,...

Còn đối với cơ quan nhà nước sẽ góp phần giảm thời gian xử lý công việc, minh bạch hoá về quy trình thủ tục và tiến độ giải quyết, tăng cường khả năng theo dõi thống kê để kịp thời có các biện pháp cải tiến ở các công đoạn chưa hiệu quả.

Ngoài ra, doanh nghiệp cũng cắt giảm được các bước như nộp giấy đăng ký kiểm tra nhà nước cho cơ quan làm tờ khai hải quan, sau đó nộp tờ khai hải quan cho Cơ quan kiểm tra nhà nước và Tổ chức đánh giá sự phù hợp cũng như các bước bổ sung hồ sơ khác.

Bên cạnh đó, về nguyên tắc, trên cơ chế một cửa, doanh nghiệp sẽ không phải nộp hồ sơ giấy mà chỉ phải khai thông tin liên quan đến hàng hóa nhập khẩu một lần qua mạng, hệ thống sẽ gửi thông tin đến các cơ quan liên quan, sau đó nếu hàng hóa phù hợp, kết quả kiểm tra sẽ được gửi đến doanh nghiệp và cơ quan hải quan để thông quan.

“Trước đây, thời gian xử lý một bộ hồ sơ đầy đủ mất từ 2-3 ngày. Khi thực hiện xử lý trên Cơ chế một cửa quốc gia, thời gian này giảm xuống còn khoảng 1 ngày”, ông Tuấn cho hay.

Nguồn: vietq.vn

CHÍNH THỨC TRIỂN KHAI HỆ THỐNG QUÁ CẢNH HẢI QUAN ASEAN

Hệ thống quá cảnh hải quan ASEAN (ACTS) đã chính thức được triển khai, giúp giảm bớt các thách thức thương mại nội khối và cho phép các doanh nghiệp hưởng lợi đầy đủ từ Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) cũng như từ việc vận chuyển hàng hóa tự do trong toàn khu vực.

Năm 2017, các Bộ trưởng kinh tế ASEAN đã đặt ra mục tiêu kép là giảm 10% chi phí giao dịch thương mại đến năm 2020 và tăng gấp đôi giao dịch nội khối ASEAN từ năm 2017 đến năm 2025. Để thực hiện mục tiêu này, ACTS đã được phát triển, cho phép các doanh

nghiệp gửi các tờ khai quá cảnh điện tử trực tiếp đến các cơ quan hải quan ASEAN và theo dõi việc vận chuyển hàng hóa từ khi chất hàng tại cảng đi cho đến khi giao hàng tại cảng đến.

Ông Dato Lim Jock Hoi, Tổng Thư ký ASEAN cho biết: “Việc triển khai Hệ thống quá cảnh ASEAN đóng vai trò quan trọng trong việc tạo điều kiện thuận lợi cho vận chuyển hàng hóa thông suốt trong khu vực. Tôi tin rằng hệ thống là công cụ tuyệt vời giúp tăng cường mạng lưới thương mại và sản xuất của ASEAN, cũng như xây dựng một thị trường thống nhất hơn cho các doanh nghiệp và người tiêu dùng”.

“ACTS cũng hỗ trợ khôi phục kinh tế sau đại dịch COVID-19 để tăng cường quá trình vận chuyển vật tư y tế, vaccine và các thiết bị bảo hộ cá nhân trong các quốc gia thành viên”, Tổng Thư ký ASEAN Dato Lim Jock Hoi nói.

ACTS đơn giản hóa và nâng cao hiệu quả của việc lưu thông hàng hóa trong khu vực. Với hệ thống này, khu vực tư nhân có thể chỉ cần lập một tờ khai quá cảnh hải quan cho việc vận chuyển hàng hóa giữa nhiều quốc gia ASEAN mà không cần khai báo nhiều lần hoặc thay đổi phương tiện tại mỗi cửa khẩu. Các thỏa thuận đặc biệt cho phép các thương nhân có uy tín bốc xếp hàng hóa tại các cơ sở của mình và giao hàng tại quốc gia đến. Việc thông quan nhanh hơn tại các biên giới giúp đẩy nhanh quá trình vận chuyển, giảm thời gian và chi phí vận chuyển hàng hóa thương mại trong khu vực, từ đó mang lại lợi ích cho các nhà sản xuất và người tiêu dùng trong toàn khu vực ASEAN lục địa.

Hệ thống trên được Đội ngũ quản lý trung tâm ACTS đặt tại trụ sở Ban thư ký ASEAN với sự hỗ trợ của Chương trình ARISE Plus do Liên minh châu Âu (EU) tài trợ. Ngoài ra, ACTS còn có các bộ phận trợ giúp quốc gia và khu vực luôn sẵn sàng hỗ trợ.

Trước khi được triển khai chính thức, ACTS được vận hành thử nghiệm tại Campuchia, Lào, Malaysia, Singapore, Thái Lan và Việt Nam. Dự kiến, hệ thống sẽ sớm được triển khai tại Myanmar và có thể được mở rộng sang Brunei, Indonesia và Philippines tùy thuộc nhu cầu kinh doanh.

Tổng Cục trưởng Hợp tác và phát triển quốc tế thuộc Ủy ban châu Âu Koean Doens nhấn mạnh, ACTS là minh chứng cho mối quan hệ đối tác mạnh mẽ, năng động và lâu dài giữa ASEAN và EU. Ông Koean cho biết, ACTS sẽ thúc đẩy lưu thông hàng hóa bằng đường bộ nhanh hơn và dễ dàng hơn qua biên giới giữa các quốc gia thành viên ASEAN, từ đó giảm chi phí cho các doanh nghiệp và người dân. Theo ông Koean, EU đã hỗ trợ kỹ thuật và tài trợ 10 triệu euro cho ACTS từ năm 2012, ngoài 5 triệu euro do các đối tác khác của ASEAN tài trợ.

Nguồn: baochinhpvu.vn

SỬA THỦ TỤC HẢI QUAN ĐỂ GỖ KHÓ CHO DOANH NGHIỆP

Trong khi thực hiện theo Nghị định số 08/2015/NĐ-CP về thủ tục hải quan và Nghị định số 59/2018/NĐ-CP, nhiều doanh nghiệp gia công, sản xuất xuất khẩu đã gặp khó khăn trong

quá trình bị kiểm tra, giám sát hải quan bởi một số điểm không phù hợp với các Hiệp định thương mại cũng như công tác quản lý.

Theo Tổng cục Hải quan, qua thời gian thực hiện Nghị định số 08/2015/NĐ-CP về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan và Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 08/2015/NĐ-CP, đã góp phần thúc đẩy tiến trình cải cách hành chính, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động đầu tư và hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá, nâng cao hiệu quả của hoạt động hải quan và đảm bảo quản lý.

Trên thực tế hiện nay, 100% các quy trình thủ tục hải quan đã được tự động hóa trên phạm vi toàn quốc với 100% cục hải quan và 100% chi cục hải quan.

Hệ thống thông quan hàng hóa tự động đã mang lại hiệu quả rõ rệt và lợi ích thiết thực cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu. Đối với doanh nghiệp: rút ngắn thời gian làm thủ tục hải quan, tiết kiệm chi phí, hạn chế sai sót trong quá trình nhập dữ liệu, giảm phụ thuộc vào văn bản giấy tờ... việc triển khai hệ thống VNACSS/VCIS đã góp phần nâng cao năng lực, hiệu quả công tác quản lý hải quan hiện đại.

Tuy nhiên, thủ tục hải quan hiện nay cũng còn một số điểm không phù hợp với các Hiệp định thương mại, với thực tế công tác quản lý như: quy định bắt buộc phải khai báo thông qua đại lý làm thủ tục hải quan đối với trường hợp chủ hàng hóa là thương nhân nước ngoài không hiện diện tại Việt Nam. Cụ thể: Tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP đang quy định người khai hải quan gồm: “1. Chủ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Trường hợp chủ hàng hóa là thương nhân nước ngoài không hiện diện tại Việt Nam thì phải thực hiện thủ tục hải quan thông qua đại lý làm thủ tục hải quan...”.

Để tháo gỡ vấn đề này, Phó Tổng Cục trưởng Tổng cục Hải quan Mai Xuân Thành cho biết: Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP tập trung vào 13 nhóm vấn đề, trong đó có nội dung đơn giản thủ tục hành chính, không làm tăng chi phí cho doanh nghiệp, đặc biệt đối với doanh nghiệp gia công, sản xuất xuất khẩu nhằm tháo gỡ vướng mắc cho doanh nghiệp.

Cụ thể, về hoạt động xuất nhập khẩu tại chỗ, qua thực tế thực hiện quy định tại Điều 35, Nghị định số 08/2015/NĐ-CP thì hoạt động xuất nhập khẩu tại chỗ phát sinh những bất cập như hàng hóa trên lãnh thổ Việt Nam nên hàng hóa được giao đến cho người nhập khẩu mà không thực hiện thủ tục hải quan hoặc chỉ thực hiện thủ tục hải quan tại một đầu. Điều này tiềm ẩn nhiều rủi ro về giao dịch như chuyển tiền qua biên giới, chuyển giá, trốn thuế.

Theo Khoản 1 Điều 28 Luật Thương mại: “Xuất khẩu hàng hóa là việc hàng hoá được đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc đưa vào khu vực đặc biệt nằm trên lãnh thổ Việt Nam được coi là khu vực hải quan riêng theo quy định của pháp luật”. Một số ý kiến doanh nghiệp cho rằng: Việc hàng hóa không qua biên giới hoặc không vào khu phi thuế quan không phù hợp với Luật Thương mại và thông lệ quốc tế không có thủ tục đối với hoạt động xuất nhập khẩu tại chỗ như Việt Nam.

Về thông báo hợp đồng gia công, theo quy định về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu một trong các điều kiện được miễn thuế là doanh nghiệp có hợp đồng gia công (Điều 10 Nghị định

số 134/2016/NĐ-CP). Tuy nhiên, khi rà soát nội dung quy định về thủ tục tại Nghị định số 08/2015/NĐ-CP chưa được quy định cụ thể về nội dung này. Bên cạnh đó, doanh nghiệp gia công sản xuất xuất khẩu còn phát sinh vướng mắc đối với hoạt động nhập khẩu hàng hóa bị trả lại; phát sinh vướng mắc, bất cập đối với một số mặt hàng đặc thù như đóng tàu... có thời hạn tái chế kéo dài nhưng hiện tại quy định cho phép 275 ngày.

“Từ những bất cập hiện nay, dự thảo nghị định sửa đổi Nghị định số 08/2015/NĐ-CP dự kiến sửa đổi, bổ sung một số quy định như về hoạt động xuất nhập khẩu tại chỗ; kiến nghị bổ sung quy định tại Khoản 1 Điều 36 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP theo hướng tổ chức cá nhân phải thông báo hợp đồng gia công trước khi nhập khẩu lô hàng nguyên liệu, máy móc, thiết bị đầu tiên để thực hiện gia công sản xuất xuất khẩu”, ông Mai Xuân Thành nói.

Theo Tổng cục Hải quan, tại dự thảo nghị định sửa đổi Nghị định số 08/2015/NĐ-CP có một số điều khoản về công tác quản lý hải quan đối với hành lý của người xuất nhập cảnh dự kiến được sửa đổi đảm bảo sự thống nhất, phù hợp quy định thực tế, quy định của các văn bản pháp luật có liên quan và tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hải quan được thống nhất, minh bạch, rõ ràng.

Đại diện Tổng cục Hải quan cho rằng, thủ tục đối với hành lý của người xuất nhập cảnh phát sinh một số bất cập. Cụ thể: Về thời hạn tạm gửi hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh vào kho của hải quan cửa khẩu không quá 180 ngày, không phù hợp với thời hạn hàng hóa được coi là tồn đọng tại điểm b Khoản 1 Điều 58 Luật Hải quan (hàng hóa đến cửa khẩu quá 90 ngày nhưng không có người đến nhận thì được coi là hàng hóa tồn đọng tại cảng).

Hơn nữa, thực tế có nhiều trường hợp, hành lý đi cùng khách trên chuyến bay nhưng khi cơ quan hải quan phát hiện có dấu hiệu vi phạm thì từ chối nhận hàng, gây khó khăn trong công tác quản lý, trong khi Nghị định số 08/2015/NĐ-CP chưa có quy định cụ thể về trách nhiệm của đơn vị vận chuyển hành lý hoặc người đại diện hợp pháp trong trường hợp hành lý không xác định được chủ sở hữu và hành lý có mặt hàng nguy hiểm, cấm nhập khẩu, cấm xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu, tạm ngừng xuất khẩu.

Để xử lý các vướng mắc, Tổng cục Hải quan đang đề xuất sửa đổi quy định tại Khoản 5, 6, 7 Điều 59 theo hướng: hành lý được tạm gửi vào kho của doanh nghiệp kinh doanh kho bãi cảng trong thời hạn không quá 90 ngày kể từ ngày người xuất cảnh, nhập cảnh gửi vào kho của doanh nghiệp kinh doanh kho bãi cảng; đồng thời bổ sung quy định về thủ tục gửi kho.

Nguồn: baotintuc.vn

HÀ NỘI: QUY ĐỊNH KHUNG SỐ LƯỢNG CẤP PHÓ TẠI CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC THÀNH PHỐ

Ngày 01/12/2020, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Kế hoạch số 232/KH-UBND về rà soát, sắp xếp, kiện toàn các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc TP. Hà Nội theo các Nghị định số 107/2020/NĐ-CP, Nghị định số 108/2020/NĐ-CP và Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

Kế hoạch nhằm bảo đảm thực hiện kịp thời, đồng bộ, hiệu quả các nghị định nêu trên và các quy định, chỉ đạo có liên quan của Thành ủy, Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội. Đồng thời, qua đó, tiếp tục rà soát, sắp xếp, kiện toàn các cơ quan chuyên môn cấp thành phố, cấp huyện, các đơn vị sự nghiệp thuộc thành phố và cơ cấu, tổ chức thuộc, trực thuộc..., góp phần thực hiện chủ trương tinh gọn tổ chức bộ máy.

Cụ thể, thực hiện Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu thủ trưởng các sở, ban, ngành thực hiện việc rà soát, sắp xếp, kiện toàn các tổ chức thuộc cơ cấu tổ chức của đơn vị mình theo đúng Nghị định số 107/2020/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan.

Đối với việc thực hiện Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã thực hiện việc rà soát, sắp xếp, kiện toàn các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo đúng Điều 1 của Nghị định số 108/2020/NĐ-CP.

Đáng chú ý, trong thực hiện Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập, Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội quy định, về khung số lượng cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; cấp phó phòng và tương đương thuộc đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thì số lượng cấp phó được thực hiện theo đề án thành lập (trong trường hợp thành lập mới) hoặc đề án tự chủ của đơn vị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên được bố trí không quá 3 người.

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên có từ 20 người làm việc là

viên chức trở xuống được bố trí không quá 2 cấp phó; có trên 20 người làm việc là viên chức được bố trí không quá 3 cấp phó.

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc chi cục và tương đương thuộc sở; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện được bố trí không quá 2 cấp phó.

Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội chỉ đạo thủ trưởng các sở, ban, ngành thành phố; Ủy ban nhân dân cấp quận, huyện, thị xã và thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập tổ chức triển khai tuyên truyền, quán triệt; thực hiện việc rà soát, sắp xếp, kiện toàn lại các tổ chức, đơn vị thuộc cơ cấu tổ chức gửi Sở Nội vụ thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, hoàn thành trước ngày 01/01/2021. Đồng thời, trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và số lượng cấp phó của các tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý theo nội dung Đề án đã được thông qua, hoàn thành trước ngày 10/3/2021.

Nguồn: hanoimoi.com.vn

HÀ NỘI: NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI NÂNG CAO CHỈ SỐ HÀI LÒNG VỀ PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH

Theo Phó Giám đốc Sở Giao thông vận tải Hà Nội Vũ Hà, hiện nay 78,5% (76/93) thủ tục hành chính Sở đang tiếp nhận và giải quyết đã được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 16/93 thủ tục được cung cấp trực tuyến mức độ 4.

Sở Giao thông vận tải Hà Nội coi công tác cải cách hành chính là nhiệm vụ vô cùng quan trọng, trong đó việc cải cách thủ tục hành chính là khâu đột phá. Sở chỉ đạo các phòng chuyên môn nghiệp vụ thường xuyên rà soát, cập nhật những khó khăn, vướng mắc trong công tác giải quyết thủ tục hành chính, kịp thời báo cáo Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân Thành phố nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp; tạo điều kiện thuận lợi hơn cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính; phấn đấu vì sự hài lòng hơn nữa của người dân và doanh nghiệp.

Trong thời gian qua, Sở Giao thông vận tải đã xây dựng, ban hành và quán triệt thực hiện các quy trình giải quyết thủ tục hành chính theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 áp dụng cho 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải. Trong đó, quy định rõ trách nhiệm, thời gian giải quyết của cá nhân, bộ phận, phòng ở từng khâu từ tiếp nhận, bàn giao, thụ lý giải quyết đến trả kết quả và lưu hồ sơ.

Thường xuyên rà soát, kịp thời trình Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội công bố ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải. Niêm yết công khai hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính tại bộ phận Một cửa và trên Cổng thông tin điện tử của Sở; niêm yết công khai số điện thoại đường dây nóng, địa chỉ thư điện tử tại bộ

phận Một cửa và trên Cổng thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải Hà Nội (www.sogtvt.hanoi.gov.vn).

Tính đến ngày 18/11/2020, Sở Giao thông vận tải Hà Nội đã tiếp nhận và trả lời đúng hạn 2.658 câu hỏi, ý kiến phản ánh của tổ chức, cá nhân qua số điện thoại đường dây nóng, website, hộp thư điện tử của Sở, trong đó 90% nội dung các ý kiến phản ánh, thắc mắc về thủ tục hành chính.

Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc cần thiết gồm: Máy vi tính, máy fax, máy in, máy photocopy, máy scan, máy xếp hàng tự động, điện thoại cố định, tủ đựng tài liệu, hòm thư, sổ góp ý, ghế ngồi, bàn làm việc, nước uống, máy điều hòa nhiệt độ, hệ thống camera giám sát, wifi.

Bố trí 02 địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, trụ sở chính tại số 258 Võ Chí Công quận Tây Hồ và địa điểm số 16 Cao Bá Quát quận Ba Đình. Phối hợp với Bưu điện thành phố Hà Nội tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích. Năm 2020 (tính đến ngày 18/11/2020) đã tiếp nhận và giải quyết đúng hạn 325.227 hồ sơ.

Hàng năm, triển khai kế hoạch tự khảo sát, đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của Sở Giao thông vận tải và phối hợp Viện Nghiên cứu kinh tế - xã hội triển khai khảo sát, đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước thuộc TP. Hà Nội.

Thực hiện Kế hoạch số 124/KH-UBND ngày 11/6/2020 của Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội về cải thiện, nâng cao Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính của thành phố Hà Nội năm 2020 và các năm tiếp theo; Sở Giao thông vận tải vừa tổ chức Hội nghị đối thoại với một số doanh nghiệp vận tải về thủ tục hành chính, giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Sở.

Tại hội nghị này, Phòng Quản lý vận tải (Sở Giao thông vận tải) cho biết quá trình giải quyết thủ tục hành chính cho thấy còn nhiều doanh nghiệp chưa nghiên cứu và chưa chấp hành nghiêm các quy định về kinh doanh vận tải như chưa thực hiện báo cáo định kỳ kết quả kinh doanh vận tải hằng tháng; chưa tập huấn hoặc tập huấn không đúng quy định cho lái xe và nhân viên phục vụ trên xe; chưa chấp hành đúng quy trình an toàn giao thông; chưa khám sức khỏe cho lái xe, chưa bổ sung đào tạo cho người điều hành vận tải... dẫn đến không đáp ứng các quy định khi giải quyết thủ tục hành chính.

Sở Giao thông vận tải cũng đã tiếp nhận và giải đáp những vướng mắc, khó khăn của doanh nghiệp vận tải trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính. Đối với những nội dung vượt thẩm quyền, Sở Giao thông vận tải sẽ tổng hợp, báo cáo Bộ Giao thông vận tải và Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội để tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.

Nguồn: thanglong.chinhphu.vn

QUẢNG NINH: MỤC TIÊU NĂM 2025 SẼ CÓ 55% DÂN SỐ MUA SẮM TRỰC TUYẾN

Với mục tiêu đưa thương mại điện tử trở thành một hoạt động được ứng dụng phổ biến trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, hoạt động tiêu dùng hàng ngày của người dân, góp phần nâng cao hiệu quả trong hoạt động quản lý, tỉnh Quảng Ninh đã xây dựng Kế hoạch phát triển thương mại điện tử giai đoạn 2021 - 2025 với nhiều điểm nổi bật.

Tỉnh Quảng Ninh đặt mục tiêu đến năm 2025 sẽ có 55% dân số tham gia mua sắm trực tuyến, 50% siêu thị, trung tâm mua sắm, cơ sở phân phối hiện đại, các hộ gia đình và cá nhân sử dụng phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt trong mua sắm, tiêu dùng.

Doanh số giao dịch thương mại điện tử loại hình doanh nghiệp - người tiêu dùng sẽ tăng bình quân 15%/năm. Đồng thời, có 80% doanh nghiệp có trang thông tin điện tử, thực hiện đặt hàng hoặc nhận đơn đặt hàng thông qua các phương tiện điện tử; 90% các giao dịch mua hàng trên website/ứng dụng thương mại điện tử có hóa đơn điện tử.

Để hoàn thành mục tiêu này, thời gian tới, tỉnh Quảng Ninh sẽ chú trọng phát triển và hoàn thiện hạ tầng thương mại điện tử trong hệ thống hỗ trợ giao dịch trực tuyến, tích hợp thanh toán, hóa đơn điện tử và các giải pháp xác thực thông tin giao dịch, triển khai trung tâm giải quyết tranh chấp kết hợp với thanh toán đảm bảo, hệ thống quản lý trực tuyến dịch vụ chuyển phát và hoàn tất đơn hàng.

Ngoài ra, các sản phẩm, giải pháp thương mại điện tử cũng sẽ được chú trọng để giúp các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ có thể triển khai, đặc biệt, hỗ trợ nâng cao năng lực cho doanh nghiệp xuất khẩu tham gia các sàn giao dịch thương mại điện tử uy tín trong và ngoài nước.

Đồng thời, tỉnh sẽ tổ chức kết nối giữa doanh nghiệp thương mại điện tử (online) với doanh nghiệp phân phối truyền thống (offline), nhà sản xuất thông qua các chương trình như phân phối thực phẩm an toàn, khuyến mại trực tuyến... nhằm tăng cường hợp tác trong cộng đồng doanh nghiệp và củng cố, nâng cao niềm tin của người tiêu dùng vào giao dịch thương mại điện tử.

Dự kiến mỗi năm tỉnh Quảng Ninh sẽ hỗ trợ 10 đơn vị là các doanh nghiệp, hợp tác xã, các cơ sở sản xuất được hỗ trợ xây dựng phần mềm quản lý bán hàng, quản lý doanh nghiệp, marketing, logistics, tích hợp giải pháp thẻ thanh toán thương mại điện tử trên trang website...

Đồng thời, mô hình chuỗi cung ứng thông minh, vận dụng dữ liệu lớn để dự báo thị trường cho một số mặt hàng nông sản chủ lực cũng sẽ được xây dựng.

Ngoài ra, sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh Quảng Ninh (teqni.gov.vn) sẽ được nâng cấp và bổ sung nhiều tính năng mới, tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp thông tin, tạo cơ hội giao thương, thực hiện các giao dịch mua bán, thanh toán qua mạng Internet. Phần đầu giai đoạn 2021 - 2025 sẽ có 350 - 400 doanh nghiệp tham gia Sàn giao dịch thương mại điện tử của tỉnh.

Bên cạnh đó, sẽ có nhiều sự kiện về xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm qua môi trường internet được tỉnh tổ chức như tuần bán hàng trực tuyến, Phiên chợ trực tuyến... nhằm đẩy mạnh hoạt động thương mại điện tử trong cộng đồng doanh nghiệp và người dân.

Không những thế, tỉnh Quảng Ninh sẽ phối hợp với Cục Thương mại Điện tử và Kinh tế số, Bộ Công Thương trong việc kết nối Sàn giao dịch Thương mại điện tử của tỉnh Quảng Ninh với các Sàn Thương mại điện tử của các tỉnh, thành trong cả nước, đồng thời kết nối các chương trình hợp tác quốc tế về lĩnh vực thương mại điện tử.

Đặc biệt, tỉnh Quảng Ninh sẽ tập trung thông tin tuyên truyền về thương mại điện tử, thông tin về chính sách, cơ hội xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch đặc biệt là tiềm năng xuất khẩu của địa phương và danh sách các doanh nghiệp xuất khẩu thông qua trang thông tin điện tử thành phần Sở Công Thương và trang tin Sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh Quảng Ninh.

Thêm vào đó, tỉnh sẽ phát triển nguồn nhân lực, nâng cao hiệu quả và năng lực quản lý nhà nước về thương mại điện tử, đẩy mạnh cung cấp trực tuyến các dịch vụ công liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong các thủ tục hành chính công. Triển khai các ứng dụng, sử dụng giải pháp phần mềm quản lý trực tuyến đối với các hoạt động quản lý nhà nước về thương mại điện tử.

Hiện sàn giao dịch thương mại điện tử Quảng Ninh [www:http//teqni.gov.vn](http://teqni.gov.vn) (chủ quản là Trung tâm Xúc tiến thương mại và Phát triển công thương) đang niêm yết khoảng 300 sản phẩm OCOP của tỉnh và đạt hàng nghìn lượt truy cập/ngày.

Sàn đã ký kết với các đối tác phân phối chuyên nghiệp, như Giao hàng nhanh - GHN Express, giao hàng Viettel, VNPT... Để tăng cường quảng bá và tiêu thụ sản phẩm OCOP, từ tháng 4/2019, sàn đã thiết lập liên kết trên các sàn giao dịch điện tử lớn, có tiếng như Lazada, Shopee, Fado, Tiki... Ngoài website:<http://teqni.gov.vn> , Trung tâm cũng đang quản lý 2 trang thông tin, giới thiệu các sản phẩm OCOP đặc trưng của tỉnh là: <http://qnitrade.gov.vn> và <http://thuonghiequangninh.gov.vn>.

Theo thống kê của Trung tâm Xúc tiến thương mại và Phát triển công thương, 10 tháng năm 2020, truy cập của cả 3 website đạt gần 860.000 lượt, tăng khoảng 10% so với cùng kỳ. Đặc biệt, số lượt đơn đặt hàng trên website: teqni.gov.vn tới nay đạt trên 2.500 đơn, doanh thu đạt trên 1,2 tỷ đồng. Nhiều sản phẩm có số lượng bán hàng cao như sá sùng, ruốc hầu, ruốc trai, nước mắm, chả mực...

Giám đốc Trung tâm Xúc tiến thương mại và Phát triển công thương Quảng Ninh Nguyễn Kiên cho biết, hiện nay nhiều đặc sản của tỉnh Quảng Ninh đã lên sàn thương mại điện tử, tạo kênh mua sắm mọi lúc, mọi nơi cho người tiêu dùng. Chính vì vậy, việc quản lý và đầu tư nâng cấp giao diện, quy mô và liên kết bán hàng với các đơn vị lớn, các thị trường tiềm năng luôn được Trung tâm chú trọng và đổi mới từng ngày.

Nguồn: vietnamplus.vn

HẢI DƯƠNG: TỶ LỆ HỒ SƠ GIẢI QUYẾT ĐÚNG HẠN ĐẠT TRÊN 99%

Sáng ngày 01/12, tỉnh Hải Dương tổ chức hội nghị tổng kết chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020, triển khai phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2021 - 2030.

Theo thông tin từ Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương, 10 năm qua các mục tiêu, chỉ tiêu, nội dung, nhiệm vụ về công tác cải cách hành chính đã cơ bản được hoàn thành, góp phần hoàn thiện hệ thống chính trị bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu quả; thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và năng lực cạnh tranh của tỉnh.

Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả tại các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các cấp đã được thành lập. Đặc biệt, việc đưa Trung tâm phục vụ hành chính công đi vào hoạt động từ đầu năm 2019 đã giúp giảm đầu mối, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp.

Đồng thời, việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông đạt hiệu quả khá tốt, đa số hồ sơ được giải quyết đúng và sớm hơn so với quy định (tỷ lệ hồ sơ giải quyết sớm và đúng hạn của các đơn vị trung bình đạt trên 99%).

Hệ thống quản lý văn bản và điều hành đã được triển khai đồng bộ đến cấp xã, đảm bảo kết nối gửi nhận liên thông văn bản điện tử giữa các đơn vị trên địa bàn tỉnh và đã được kết nối với Trục liên thông văn bản quốc gia.

Cổng thông tin điện tử của tỉnh và 52 trang thông tin điện tử thành phần của các sở, ban, ngành và các huyện, thị xã, thành phố được tích hợp trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh nhằm đảm bảo cung cấp, khai thác và tìm kiếm thông tin, là kênh thông tin quan trọng để người dân, doanh nghiệp và các tổ chức khác có thể tiếp cận, tìm kiếm, theo dõi, giám sát các hoạt động của cơ quan nhà nước, góp phần minh bạch hóa hoạt động của cơ quan nhà nước. 5 năm gần đây Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh tăng 10 bậc, năm 2019 xếp thứ 33/63 tỉnh, thành phố, Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tăng 8 bậc, Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) đứng trong top 10...

Nguồn: baophapluat.vn

ĐỒNG NAI: HIỆU QUẢ TỪ MÔ HÌNH “NGÀY KHÔNG HẸN, NGÀY KHÔNG VIẾT” TẠI THÀNH PHỐ LONG KHÁNH

Nhằm tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả, chất lượng của cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, thời gian gần đây, Ủy ban nhân dân TP. Long Khánh đã đưa vào thực hiện mô hình “Ngày không hẹn, Ngày không viết”.

Bắt đầu triển khai từ tháng 9/2020 đến nay, mô hình đã thật sự mang lại sự hài lòng cho người dân, doanh nghiệp, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ công.

Anh Lâm Quang Thắng (ngụ P. Xuân An) đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TP. Long Khánh để làm thủ tục liên quan đất đai vào ngày thực hiện mô hình Ngày không hẹn. “Vừa vào đến cửa, tôi đã được các cán bộ và bạn đoàn viên thanh niên ở đây nhiệt tình hỗ trợ hướng dẫn mọi trình tự thủ tục liên quan. Nhờ vậy, thay vì phải chờ đợi, việc giải quyết thủ tục đã diễn ra rất nhanh chóng, trôi chảy và chuyên nghiệp. Tôi rất phấn khởi, hài lòng” - anh Thắng vui vẻ bày tỏ.

Ông Trần Văn Kim, Trưởng phòng Phòng Nội vụ TP. Long Khánh cho biết, với mô hình này, khi tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đến yêu cầu thực hiện một số thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả vào ngày thực hiện mô hình, nếu đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định sẽ được công chức, viên chức tiếp nhận xử lý hồ sơ, trình ký và trả kết quả ngay trong ngày thay vì phải mất nhiều ngày hơn theo quy định. 3 thủ tục được chọn thực hiện mô hình, bao gồm: thủ tục đăng ký, xóa đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất; thủ tục thay đổi về nghĩa vụ tài chính và thủ tục trích lục bản vẽ thửa đất, khu đất bản đồ địa chính phục vụ công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chuyển quyền sử dụng đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng, giao đất, thuê đất, thu hồi đất và công tác chỉnh lý biến động bản đồ địa chính.

Theo Phó chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân TP. Long Khánh kiêm Trưởng Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TP. Long Khánh Trần Tuấn Chinh, việc rút ngắn thời gian giải quyết các thủ tục đất đai nói trên rất thiết thực, giúp người dân có thể sớm thực hiện các quyền của người sử dụng đất khi có nhu cầu. Mô hình “Ngày không hẹn” đã nhận được sự đồng tình, hài lòng của người dân và góp phần nâng cao hiệu quả việc cải cách thủ tục hành chính.

Cùng với “Ngày không hẹn” được triển khai thực hiện trong 2 ngày thứ năm hằng tháng, vào tất cả các ngày thứ năm hằng tuần, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thành phố còn triển khai thêm mô hình “Ngày không viết”.

Theo đó, vào những ngày này, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thành phố bố trí thêm lực lượng đoàn viên, thanh niên trực để hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp khi đến liên hệ giải quyết các thủ tục hành chính và hỗ trợ viết hộ các loại giấy tờ, hồ sơ (trừ trường hợp một số thủ tục hành chính đặc thù theo quy định pháp luật không được viết hộ); kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; nhận hồ sơ; hướng dẫn người dân nộp hồ sơ tại từng lĩnh vực

tương ứng. Tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp chỉ việc ký tên hoặc điền chỉ trong giấy tờ, hồ sơ theo quy định.

Bà Nguyễn Thị Lê Dung (ngụ P. Bảo Vinh) từng đến làm thủ tục trong một ngày thứ 5 thực hiện mô hình “Ngày không hẹn, Ngày không viết” bày tỏ: “Đến làm thủ tục tôi chỉ việc ký, mỗi thứ đều được hướng dẫn, hỗ trợ rất chu đáo, thuận tiện, nhanh chóng. Tôi rất hài lòng”.

Trưởng phòng Phòng Nội vụ TP. Long Khánh Trần Văn Kim cho hay, việc triển khai thực hiện mô hình “Ngày không hẹn, Ngày không viết” đã giúp phát huy tối đa hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, mang lại sự hài lòng cho người dân, tăng thêm sự thân thiện giữa người dân đối với cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện nhiệm vụ giải quyết thủ tục hành chính. Mô hình còn góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất đạo đức và năng lực, trình độ đáp ứng yêu cầu phục vụ Nhân dân. Đồng thời, hỗ trợ, tuyên truyền người dân biết đến việc nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến, tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích.

“Cùng với thực hiện sáng kiến này, năm 2020, công tác cải cách hành chính nói chung tiếp tục được Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố xác định là nhiệm vụ trọng tâm, một trong 3 khâu đột phá, đồng thời được chỉ đạo quyết liệt, sâu sát. Qua đó, đã đạt được nhiều kết quả, tạo được chuyên biến rõ nét, toàn diện trong các lĩnh vực cải cách hành chính, được người dân, doanh nghiệp, các tổ chức đồng tình, ủng hộ. Các chỉ tiêu theo kế hoạch của tỉnh, thành phố cơ bản đã hoàn thành, góp phần quan trọng hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm giữ vững quốc phòng - an ninh, ổn định chính trị, đáp ứng nhu cầu phát triển của thành phố” - ông Kim cho hay.

Điển hình như trong năm 2020, nhằm tạo thuận lợi nhất cho người dân và doanh nghiệp, TP. Long Khánh đã chủ động thực hiện việc rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính so với thời gian quy định đối với thủ tục thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh. Theo đó, đã tiếp nhận và giải quyết rút ngắn thời gian từ 3 ngày xuống còn 2 ngày cho 1.180 hồ sơ. Cùng với đó, chủ động thực hiện thủ tục liên thông đối với thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và đăng ký thuế trên địa bàn TP. Long Khánh. Kết quả đã tiếp nhận, giải quyết 69 hồ sơ liên thông giữa Phòng Tài chính - kế hoạch và Chi cục Thuế khu vực Long Khánh - Cẩm Mỹ.

Nguồn: baodongnai.com.vn

ĐỒNG NAI: DOANH NGHIỆP NỘP TRỰC TUYẾN MỘT SỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC MIỄN PHÍ PHÁT TRẢ KẾT QUẢ

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đồng Nai cho biết, để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và tăng cường tiếp nhận hồ sơ lĩnh vực lao động - thương binh và xã hội qua dịch vụ công trực tuyến, doanh nghiệp có thể nộp hồ sơ đối với các thủ tục lĩnh vực lao

động - việc làm qua Cổng dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.dongnai.gov.vn và sẽ được miễn phí phát trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

Các thủ tục bao gồm: cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam; cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam; cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm; xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động; báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài; khai báo với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội địa phương khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động và đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp.

Để được hướng dẫn cụ thể chi tiết cách thức tạo tài khoản và nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công của tỉnh, doanh nghiệp có thể liên hệ Tổng đài Dịch vụ công (0251)1022.

Nguồn: baodongnai.com.vn

BÌNH DƯƠNG: ĐẨY MẠNH VIỆC THANH TOÁN KHÔNG DÙNG TIỀN MẶT, NÂNG CAO CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Ngày 03/12, Ủy ban nhân dân TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương và Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương (Vietcombank Bình Dương) đã tổ chức Lễ ký kết thoả thuận hợp tác thanh toán không dùng tiền mặt.

Theo ký kết, trong thời gian tới, các bên sẽ triển khai cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt cho các đơn vị trực thuộc sự quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, góp phần tạo sự thuận tiện cho các cơ quan, đơn vị, người dân trong việc thanh toán không dùng tiền mặt, thu phí, lệ phí dịch vụ công, nâng cao chỉ số cải cách hành chính.

Tỉnh Bình Dương là một trong những địa phương đứng đầu cả nước về thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Việc thanh toán không dùng tiền mặt trong thời kỳ hội nhập là xu thế tất yếu trong kỷ nguyên số. Mới đây, Ủy ban nhân dân tỉnh cũng đã có quyết định thực hiện giải pháp áp dụng thanh toán không dùng tiền mặt khi giải quyết thủ tục hành chính; chấp thuận chủ trương mở và sử dụng tài khoản ngân hàng chung cho các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố một tài khoản ngân hàng để nhận thanh toán phí, lệ phí dịch vụ công.

Ngoài ra, tỉnh Bình Dương cũng cho phép các đơn vị cung cấp trung gian thanh toán VNPAY, VNPT Pay, Momo... được tham gia triển khai thanh toán phí, lệ phí dịch vụ công cùng với hai ngân hàng Vietcombank và Vietinbank.

Nguồn: phumvietnam.vn

BÀ RỊA - VŨNG TÀU: XÂY DỰNG NỀN TẢNG ĐỂ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THÔNG MINH

Ngày 30/11, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Trần Văn Tuấn đã chủ trì cuộc họp nghe Sở Xây dựng báo cáo Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Quyết định số 950/QĐ-TTh ngày 01/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025 và định hướng đến năm 2030”.

Mục tiêu của kế hoạch là xây dựng tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trở thành đô thị thông minh với trọng tâm là xây dựng trung tâm điều hành đô thị thông minh tập trung của tỉnh, lấy chính quyền điện tử làm nòng cốt để nâng cao hiệu quả, năng lực quản lý Nhà nước, cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân; tạo ra kênh thông tin kết nối chặt chẽ giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị, bộ máy Nhà nước, giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp và tổ chức... Cụ thể, giai đoạn 2020 - 2025 xây dựng nền tảng cơ sở pháp lý phát triển đô thị thông minh, tiến hành công tác chuẩn bị đầu tư triển khai thí điểm ở cấp đô thị và thực hiện giai đoạn 1 thí điểm phát triển đô thị thông minh. Định hướng đến năm 2030, tỉnh sẽ hoàn thành thí điểm giai đoạn 1. Từng bước triển khai nhân rộng theo lĩnh vực, khu vực, hình thành mạng lưới liên kết các đô thị thông minh.

Kế hoạch này cũng đưa ra nhóm nhiệm vụ ưu tiên do Ủy ban nhân dân tỉnh giao cụ thể cho các sở, ngành Ủy ban nhân dân cấp huyện tập trung thực hiện phát triển đô thị thông minh tỉnh. Nguồn kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được huy động từ vốn tài trợ quốc tế và trong nước, vốn đầu tư theo hình thức đối tác công tư PPP, vốn đầu tư của doanh nghiệp trong và ngoài nước, vốn xã hội hóa...

Sau khi nghe ý kiến góp ý của các đại biểu, ông Trần Văn Tuấn đã đồng ý ban hành Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Quyết định số 950/QĐ-TTh ngày 1/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025 và định hướng đến năm 2030”.

* Cùng ngày, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Trần Văn Tuấn đã chủ trì cuộc họp nghe Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo về tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.

Theo báo cáo của Sở Thông tin và Truyền thông, hiện nay tỷ lệ cung cấp dịch vụ công mức độ 4 trên địa bàn tỉnh còn thấp. Nhóm các sở, ngành hiện có 642 hồ sơ cung cấp dịch vụ công mức độ 4, đạt tỷ lệ 41%. Trong đó có 4 sở, ngành chưa cung cấp dịch vụ công mức độ 4 gồm: Sở Ngoại vụ; Sở Nội vụ; Thanh tra tỉnh và Ban Quản lý các khu công nghiệp. Đối với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có 92 hồ sơ ứng dụng dịch vụ công mức độ 4, đạt tỷ lệ 34%. Trong đó TX. Phú Mỹ; huyện Côn Đảo; huyện Đất Đỏ; huyện Châu Đức và TP. Vũng Tàu chưa đạt. Đối với Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn, tính đến thời điểm

hiện tại có 120 hồ sơ cung cấp dịch vụ công mức độ 4, đạt tỷ lệ 100%. Như vậy, tính đến nay toàn tỉnh có 854 hồ sơ cung cấp dịch vụ công mức độ 4, đạt tỷ lệ 44%.

Phát biểu tại cuộc họp, ông Trần Văn Tuấn cho rằng, nguyên nhân chính dẫn đến tỷ lệ cung cấp dịch vụ công mức độ 4 trên địa bàn tỉnh thấp là do các đơn vị chưa quyết liệt trong triển khai thực hiện. Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các đơn vị chỉ rõ các vướng mắc, từ đó đề xuất giải pháp quyết tâm thực hiện để nâng tỷ lệ sử dụng dịch vụ công mức độ 4 đạt 60% vào cuối năm 2021.

Nguồn: baobariavungtau.com.vn

BẠC LIÊU: ZALO HỖ TRỢ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH VÀ AN NINH TẠI HUYỆN ĐÔNG HẢI

Công an huyện Đông Hải, Bạc Liêu sử dụng trang Zalo trong công tác phòng chống tội phạm, kêu gọi toàn dân giữ gìn trật tự an toàn xã hội và cải cách các dịch vụ hành chính công.

Công an huyện Đông Hải thành lập trang Zalo “Công an huyện Đông Hải” với chủ đề “Kết nối Zalo - Vì bình yên cuộc sống” vào tháng 9. Trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu, huyện Đông Hải là đơn vị tiên phong của ngành công an trong việc ứng dụng Zalo để cung cấp các thông tin bổ ích cho lực lượng và quần chúng Nhân dân.

Thượng tá Hoàng Ngọc Đạo, Phó trưởng Công an huyện Đông Hải chia sẻ, điểm hay của trang Zalo “Công an huyện Đông Hải” là đa phần người dân có điện thoại thông minh, nên việc khai thác Zalo để tuyên truyền phòng chống tội phạm diễn ra thuận lợi. Thực tế, để công an mời được vài chục người tập trung ngồi nghe tuyên truyền rất khó. Tuy nhiên, dùng Zalo để gửi thông tin cùng lúc đến cho vài trăm hoặc vài nghìn người lại dễ dàng.

Trang Zalo “Công an huyện Đông Hải” hiện có 3 chức năng chính: Tin tức, Tiếp nhận và Liên hệ.

Ở chức năng “Tin tức”, trang Zalo liên kết trực tiếp đến Cổng thông tin điện tử Bộ Công an, Công an tỉnh Bạc Liêu, Ủy ban nhân dân huyện Đông Hải; thông tin về đối tượng truy nã, truy tìm và hiển thị tất cả bài viết.

Trong mục “Tiếp nhận”, người dân có thể nhắn tin, tương tác trực tiếp với cơ quan Công an huyện nhằm tố cáo, tố giác tội phạm, phản ánh tình hình an ninh trật tự. Bên cạnh đó, trang Zalo cũng hỗ trợ tư vấn pháp luật và hướng dẫn trình tự của các dịch vụ công, giúp người dân hiểu được quy trình, những giấy tờ cần chuẩn bị, giảm thiểu đi lại nhiều lần để làm các thủ tục hành chính có liên quan đến lĩnh vực công tác công an.

Trang Zalo “Công an huyện Đông Hải” còn tích hợp các thủ tục hành chính công khác để người dùng nộp hồ sơ trực tuyến như: Cấp, quản lý chứng minh nhân dân; Cấp, quản lý thẻ căn cước công dân; Đăng ký, quản lý cư trú...

Cuối cùng, ở chức năng “Liên hệ”, các số điện thoại đường dây nóng của công an 11 xã và thị trấn được cung cấp đầy đủ và chi tiết.

Để truy cập vào trang Zalo “Công an huyện Đông Hải”, người dân chỉ cần quét mã QR hoặc nhập “Công an huyện Đông Hải” trên ô tìm kiếm của ứng dụng và bấm nút quan tâm.

Đặc biệt, với mong muốn trang Zalo có thể hoạt động tốt, Công an huyện Đông Hải còn thành lập một tổ kỹ thuật phụ trách, có trách nhiệm giúp ban quản trị quản lý, cập nhật thông tin, duy trì hoạt động thường xuyên trên trang, trực tiếp thực hiện các thao tác trên Zalo cũng như kịp thời xử lý khi có sự cố xảy ra. Tổ còn phân công thành viên trực online đảm bảo hoạt động của trang thông tin Công an huyện liên tục 24/7.

Thượng tá Hoàng Ngọc Đạo chia sẻ thêm: “Sau 3 tháng hoạt động, trang Zalo ‘Công an huyện Đông Hải’ đã mang lại những hiệu ứng tích cực từ phía người dân. Nhờ tin tố giác của người dân, công an huyện đã triệt phá thành công nhiều vụ trộm. Ông Nguyễn Công Tạo (người dân tại ấp 1, xã Long Điền Đông A, huyện Đông Hải) đánh giá, trang Zalo rất gần gũi và tiện lợi để người dân tham gia phòng chống tội phạm”.

Nguồn: zingnews.vn

CÀ MAU: NGÀNH CÔNG THƯƠNG ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC, RÚT NGẮN THỜI GIAN CHO DOANH NGHIỆP

Giám đốc Sở Công Thương tỉnh Cà Mau Nguyễn Văn Đô cho biết, đến thời điểm hiện nay, Sở Công Thương đã thực hiện công khai 120 thủ tục hành chính, niêm yết công khai 100% thủ tục hành chính trên trang thông tin điện tử của Sở, cắt giảm từ 20% trở lên thời gian thực hiện thủ tục hành chính, 116 thủ tục hành chính thực hiện cơ chế một cửa, 4 thủ tục hành chính thực hiện một cửa liên thông với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh. Tính đến tháng 11/2020, Sở Công Thương đã hoàn thành hơn 90% nhiệm vụ đề ra tại kế hoạch cải cách hành chính năm 2020, dự kiến đạt 100% trong năm 2020.

Để có kết quả trên, ngay từ đầu năm 2020, Sở Công Thương đã ban hành và triển khai nhiều kế hoạch quan trọng liên quan đến cải cách hành chính tại địa phương. Trong đó, phải kể đến kế hoạch tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau công bố, sửa đổi, bổ sung 24 thủ tục hành chính lĩnh vực thuốc lá; sửa đổi, bổ sung 3 thủ tục hành chính lĩnh vực xăng dầu; 2 thủ tục hành chính lĩnh vực điện; 15 thủ tục hành chính lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước; 8 thủ tục hành chính lĩnh vực hóa chất; 29 thủ tục hành chính kinh doanh khí...

Ngoài ra, còn phải kể tới việc sửa đổi 3 thủ tục hành chính lĩnh vực xúc tiến thương mại; 2 thủ tục hành chính lĩnh vực giám định thương mại. Đặc biệt là, bãi bỏ 1 thủ tục hành chính lĩnh vực năng lượng; 6 thủ tục hành chính lĩnh vực thuốc lá cấp huyện và 15 thủ tục hành chính lĩnh vực công thương cấp huyện.

Những cải cách của ngành Công Thương tỉnh Cà Mau được cộng đồng doanh nghiệp địa phương đánh giá cao. Giám đốc Công ty Cổ phần chế biến thủy sản xuất nhập khẩu Minh Cường Nguyễn Minh Tuấn cho hay, việc thực hiện dịch vụ hành chính công trực tuyến cũng như cắt giảm các thủ tục rườm rà không cần thiết của ngành Công Thương đã giúp doanh nghiệp thuận lợi hơn trong quá trình hoạt động. “Trước đây, khi làm thủ tục cấp C/O doanh nghiệp phải trực tiếp đến Phòng Quản lý xuất nhập khẩu khu vực Cà Mau nộp hồ sơ và nhận kết quả. Với cải cách mới, hiện mọi giao dịch đều có thể thực hiện trực tuyến rất thuận lợi và nhanh chóng”- ông Tuấn nhận xét.

Dù đạt nhiều kết quả tích cực song giai đoạn tới, doanh nghiệp rất kỳ vọng ngành Công Thương tỉnh Cà Mau sẽ tiếp tục sửa đổi, bổ sung các quy định quản lý nhà nước cho hoàn thiện. Việc này nhằm giúp doanh nghiệp thích ứng với điều kiện thực tế và các cam kết hội nhập mà Việt Nam đã tham gia, nhất là Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA).

“Để chủ động trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, từ cuối năm trước chúng tôi đã ban hành kế hoạch cải cách hành chính cho năm sau. Theo đó, hàng quý, 6 tháng, cuối năm đều Sở đều có báo cáo về nhiệm vụ cải cách hành chính đã được thực hiện, cũng như những khó khăn mà ngành gặp phải để kịp thời đề xuất tháo gỡ, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính, hoạt động hiệu quả”- ông Nguyễn Văn Đô thông tin.

Nguồn: congthuong.vn

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ QUAN HỆ KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC NHÀ NƯỚC GIỮA QUỐC HỘI VÀ CHÍNH PHỦ

Hiện nay, ở nước ta, kiểm soát quyền lực nói chung, kiểm soát việc thực hiện quyền lực nhà nước giữa Quốc hội và Chính phủ nói riêng đang là vấn đề được Đảng, Nhà nước và xã hội quan tâm. Trên tinh thần của Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) và Hiến pháp năm 2013, nhiều chủ trương, giải pháp về kiểm soát quyền lực đang được triển khai và đạt được kết quả tích cực.

Tuy nhiên, việc kiểm soát quyền lực trong tổ chức và hoạt động của cả hệ thống chính trị vẫn đang đặt ra không ít vấn đề bất cập. Văn kiện Đại hội XII của Đảng đã chỉ rõ: "... Chưa chế định rõ, đồng bộ, hiệu quả cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực ở các cấp. Tổ chức bộ máy và cơ chế hoạt động của các thiết chế cơ bản trong bộ máy nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa như Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, hệ thống tư pháp còn những điểm chưa thực sự hợp lý, hiệu lực, hiệu quả... Kỷ cương, kỷ luật trong quản lý nhà nước, thực thi công vụ còn nhiều yếu kém. Cải cách hành chính còn chậm, thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu; thủ tục hành chính còn phức tạp, phiền hà đang là rào cản lớn đối với việc tạo lập môi trường xã hội, môi trường kinh doanh lành mạnh, minh bạch, hiệu quả cho sự phát triển... Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí chưa đạt yêu cầu đề ra; tham nhũng, lãng phí vẫn còn nghiêm trọng..."[1]. Những hạn chế, yếu kém nêu trên đang là cản trở cho việc kiểm soát quyền lực nhà nước, làm cho các giải pháp, các nỗ lực kiểm soát quyền lực nhà nước nói chung, kiểm soát quyền lực giữa Quốc hội và Chính phủ nói riêng chưa đạt được các mục tiêu và kết quả mong muốn. Để khắc phục những hạn chế nêu trên, trong thời gian tới, các quy định của pháp luật về quan hệ kiểm soát quyền lực giữa Quốc hội và Chính phủ cần được hoàn thiện.

1. Đẩy mạnh nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn về kiểm soát quyền lực để đổi mới tư duy về mối quan hệ kiểm soát quyền lực giữa Quốc hội và Chính phủ

Hiến pháp năm 2013 đã cơ bản hoàn thiện nguyên tắc tổ chức quyền lực nhà nước với 4 nội hàm quan trọng của quyền lực nhà nước: thống nhất, phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan thực hiện quyền lập pháp, quyền hành pháp và quyền tư pháp. Có thể xem đây là một bước phát triển tư duy và quan điểm về nguyên tắc tổ chức quyền lực trong nhà nước pháp quyền, vừa thể hiện tính đặc thù của Nhà nước ta trong điều kiện nhất nguyên chính trị. Tuy nhiên, trong nhận thức lý luận, vẫn còn không ít vấn đề liên quan đến nguyên tắc này chưa được lý giải một cách cụ thể, thuyết phục tạo cơ sở để thống nhất nhận thức. Sự phủ định các luận điểm của học thuyết phân quyền vốn là nguyên tắc tổ chức quyền lực nhà nước cơ bản đang được áp dụng tại nhiều nhà nước pháp quyền trên thế giới cần được nghiên cứu cơ bản hơn để dễ dàng phân biệt được không chỉ về phương diện lý luận mà còn cả phương diện thực tiễn. Sự phân biệt giữa nguyên tắc phân quyền, kiểm soát quyền lực đang được thực hiện ở nhiều nước và nguyên tắc tổ chức quyền lực được áp dụng trong mô hình tổng thể bộ máy nhà nước ta.

Trong điều kiện hội nhập sâu rộng vào tất cả các lĩnh vực của đời sống quốc tế, việc nghiên cứu các giá trị phổ quát để vận dụng sáng tạo vào thực tiễn nước ta là rất cần thiết. Do vậy, những nghiên cứu so sánh kinh nghiệm quốc tế trong đó có lý luận và thực tiễn về nhà nước pháp quyền cần được đẩy mạnh ở nước ta, nhằm một mặt là tiếp thu được các giá trị phổ quát đang được áp dụng sâu rộng ở nhiều nước và mặt khác là khắc phục các biểu hiện áp dụng máy móc, giáo điều theo kiểu sao chép mô hình hoặc phủ định sạch trơn có ý nghĩa lớn đối với đổi mới tư duy. Chính vì vậy, cần nghiên cứu lý luận sâu sắc về nguyên tắc tổ chức quyền lực ở nước ta để:

Một mặt, làm rõ tính chất, đặc điểm, nội dung, phương thức của phân công, phối hợp, kiểm soát quyền lực nhà nước, đặc biệt là sự tương quan giữa tính thống nhất và sự phân công (mà không phải là phân quyền), sự tương quan giữa phối hợp và kiểm soát quyền lực; các nội dung, phương thức, phạm vi, các điều kiện để thực hiện việc kiểm soát quyền lực; mối tương quan giữa vị trí, vai trò lãnh đạo của một đảng duy nhất cầm quyền với vị trí, vai trò của các cơ quan nhà nước, đặc biệt là của Quốc hội, Chính phủ trong việc thực thi quyền lực và kiểm soát quyền lực nhà nước theo yêu cầu của Hiến pháp. Dĩ nhiên, các nghiên cứu lý luận phải luôn gắn liền với tổng kết thực tiễn về kiểm soát quyền lực giữa các thiết chế thực thi quyền lập pháp, quyền hành pháp và quyền tư pháp. Tổng kết thực tiễn về kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan thực hiện quyền lực nhà nước theo ủy quyền của Nhân dân, đặc biệt là quan hệ kiểm soát quyền lực giữa Quốc hội và Chính phủ không chỉ nhằm đánh giá rõ được thực trạng mối quan hệ này mà điều quan trọng để phát hiện mức độ phù hợp giữa nhận thức lý luận, các quy định của pháp luật và thực tiễn triển khai, đánh giá tính khả thi và những mâu thuẫn đang tồn tại nảy sinh từ bất cập về lý luận và từ chính các quy định của pháp luật.

Mặt khác, các nghiên cứu này phải góp phần lý giải, làm sáng tỏ vì sao phải phủ định học thuyết tam quyền phân lập trong điều kiện cụ thể của nước ta. Có như vậy mới có thể hình thành một cơ sở lý luận vững chắc, có căn cứ thực tiễn để thống nhất được nhận thức và hành động trong triển khai các nội hàm của nguyên tắc tổ chức quyền lực nhà nước: thống nhất, phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực trong điều kiện cụ thể ở nước ta.

Quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam đã đạt được không ít thành tựu. Tuy nhiên, bối cảnh mới của thời đại mới vẫn đang đòi hỏi một tư duy mới về Nhà nước nói chung và về kiểm soát quyền lực nhà nước nói riêng.

Tư duy lại vai trò của Nhà nước trong điều kiện hiện nay ở nước ta, cần đổi mới nhận thức trên những vấn đề cơ bản sau:

Nhà nước là một thiết chế chính trị trung tâm có vai trò đặc biệt quan trọng trong mọi lĩnh vực của đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước. Tuy nhiên, dù vai trò của Nhà nước quan trọng, to lớn đến nhường nào cũng không thể tạo ra một nhà nước toàn trị, quyết định mọi vấn đề và bao cấp toàn xã hội. Vai trò của Nhà nước luôn có giới hạn trong mối quan hệ với các thiết chế chính trị - xã hội thuộc hệ thống chính trị, mối quan hệ với kinh tế thị trường, xã hội và mối quan hệ với công dân.

Nghiên cứu sự thay đổi trong vai trò của Nhà nước cần được quán triệt cả hai xu hướng: Thứ nhất, tăng cường sức mạnh của Nhà nước thông qua các biện pháp cải tổ mạnh mẽ bộ máy nhà nước từ việc quan niệm lại kết cấu và tổ chức quyền lực, thực hiện công quyền của các nhánh quyền lực đến việc cải cách nền hành chính quốc gia, cải cách tư pháp... làm cho Nhà nước thực sự thích ứng với cơ chế kinh tế - xã hội mới là để giải quyết có hiệu quả các nhiệm vụ đặt ra của thời kỳ quá độ; Thứ hai, xu hướng phi nhà nước hóa, từng bước loại bỏ dần sự can thiệp của Nhà nước vào những lĩnh vực quan hệ xã hội mà tính chất của chúng không đòi hỏi sự can thiệp ấy, tăng cường các khả năng độc lập của các thiết chế chính trị xã hội khác theo hướng giải phóng họ khỏi sự phụ thuộc (bảo trợ) của Nhà nước từ tài chính đến tổ chức.

Những nhiệm vụ mới phải được nhà nước thực hiện, phải được thể hiện trong những yêu cầu mới của hoạt động lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Hoạt động lập pháp của Nhà nước trong thời đại ngày nay không hướng trọng tâm vào thể chế hóa quyền quản lý của bộ máy nhà nước (quyền cai trị) mà phải hướng trọng tâm vào việc tạo dựng khuôn khổ pháp lý vững chắc cho một nền dân chủ xã hội và tự do của công dân. Điều này có nghĩa là, hoạt động lập pháp chuyển trọng tâm từ quy định quyền của bộ máy nhà nước sang xác định nghĩa vụ và trách nhiệm của các cơ quan này, từ quyền cho phép của công quyền sang quyền của công dân trong mối quan hệ với nhà nước.

Hoạt động tư pháp chuyển từ nhân danh nhà nước sang nhân danh luật pháp và công lý để phán quyết các vi phạm luật pháp và xử lý các tranh chấp, xung đột pháp lý trong các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Sự thay đổi mục tiêu, nội hàm hoạt động của lập pháp, hành pháp và tư pháp sẽ dẫn đến đương nhiên phải cơ cấu lại chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ và phương thức hoạt động của bộ máy nhà nước từ Quốc hội, Chính phủ, các cơ quan tư pháp đến chính quyền địa phương.

Tư duy mới về Nhà nước trong điều kiện hiện nay dĩ nhiên kéo theo sự thay đổi về quan hệ kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Để nhận diện rõ sự thay đổi này, rất cần một tư duy mới về kiểm soát quyền lực, đặc biệt việc kiểm soát quyền lực giữa Quốc hội và Chính phủ.

2. Tiếp tục cải cách bộ máy nhà nước, tạo sự cân bằng hơn, hợp lý hơn trong mối quan hệ kiểm soát quyền lực giữa Quốc hội và Chính phủ

Hiến pháp năm 2013 đã xác định rõ tính chất, vị trí của các thiết chế quyền lực trong bộ máy nhà nước ta: Quốc hội thực hiện quyền lập pháp, Chính phủ thực hiện quyền hành pháp và Tòa án nhân dân thực hiện quyền tư pháp. Như vậy, quyền lực của mỗi một thiết chế được hạn định trong từng lĩnh vực cụ thể, phù hợp với sự ủy quyền của Nhân dân, đảm bảo không một cơ quan nào có thể nắm toàn bộ quyền lực, trở thành cơ quan độc quyền quyền lực. Yêu cầu của nguyên tắc tổ chức quyền lực trong nhà nước pháp quyền luôn là chống độc quyền quyền lực, nội hàm của các quyền lập pháp, quyền hành pháp và quyền tư pháp cần được phân định rành mạch để không một cơ quan nào có thể lấn sân vào thẩm quyền của cơ quan khác, hay được tạo ưu thế vượt trội hơn trong quá trình thực hiện quyền lực. Do vậy, dù lĩnh vực lập pháp, hành pháp, tư pháp có tính chất, phạm vi, phương thức thực hiện khác nhau nhưng không vì vậy mà vị thế của

các cơ quan này không bình đẳng trong các quan hệ quyền lực. Lý luận và thực tiễn tổ chức quyền lực cho thấy, sự bất bình đẳng về địa vị không thể tạo được sự cân bằng trong quyền lực và từ đó không thể tạo được sự cân bằng trong khả năng kiểm soát quyền lực của từng cơ quan.

Quán triệt tinh thần Hiến pháp năm 2013 về kiểm soát quyền lực, cần tiếp tục đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước theo hướng làm rõ hơn, cụ thể hơn tính chất, phạm vi, giới hạn, nội hàm và hình thức, phương thức thực hiện quyền lập pháp, quyền hành pháp và quyền tư pháp nhằm đảm bảo không một cơ quan nào nằm ngoài sự kiểm soát quyền lực và mỗi một cơ quan có đủ quyền hạn, khả năng và phương thức phù hợp để thực hiện quyền kiểm soát trở lại đối với các cơ quan tương ứng. Để đảm bảo được khả năng này, cần tiếp tục đổi mới tổ chức, hoạt động của từng cơ quan, trước hết là Quốc hội và Chính phủ để một mặt đảm bảo cho Quốc hội khả năng kiểm soát việc thực thi quyền lực của Chính phủ trong quá trình thực hiện chức năng lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao. Mặt khác, đảm bảo cho Chính phủ khả năng, điều kiện và phương thức phù hợp để kiểm soát quyền lực giữa Quốc hội và Chính phủ cần phải khắc phục tình trạng “bất đối xứng” trong mối quan hệ kiểm soát quyền lực giữa 2 thiết chế quyền lực quan trọng này. Theo đó, cần tạo lập sự cân bằng trong quan hệ quyền lực giữa Quốc hội và Chính phủ. Cần phải có bước chuyển biến từ nhận thức lý luận về phân công quyền lực để khắc phục quan điểm toàn bộ quyền lực thuộc về Quốc hội như đã tồn tại trước đây trong cơ chế quyền lực cũ đến một cơ chế phân công quyền lực cân bằng. Sự cân bằng trong quan hệ quyền lực giữa Quốc hội và Chính phủ để đảm bảo vai trò giám sát của từng thiết chế quyền lực trong từng hoạt động thực hiện quyền lực cụ thể. Nghiên cứu các quy định của pháp luật hiện hành cho thấy, quyền kiểm soát của Quốc hội đã được cụ thể hóa khá đầy đủ và toàn diện, tạo được khả năng tác động mạnh mẽ đến hoạt động của Chính phủ. Tuy nhiên, quyền và khả năng kiểm soát, tác động, phản hồi trở lại các hoạt động của Quốc hội từ phía Chính phủ lại chưa được quy định rõ ràng, nên việc thực hiện quyền kiểm soát quyền lực của Chính phủ đối với hoạt động của Quốc hội còn khá mờ nhạt. Tình trạng này dẫn đến một hệ quả là, Chính phủ chỉ luôn là đối tượng của kiểm soát quyền lực và ít có cơ hội tác động trở lại hoạt động của Quốc hội với vai trò là chủ thể của một nhánh quyền lực có quyền kiểm soát việc thực hiện quyền lực của nhánh quyền lực khác. Để khắc phục hệ quả này, cần tiếp tục nghiên cứu, làm rõ tính chất, phạm vi quyền hành pháp và quyền độc lập của Chính phủ trong vai trò là cơ quan thực hiện quyền hành pháp. Đồng thời, với việc làm rõ quyền hành pháp và vai trò độc lập của Chính phủ trong việc thực hiện quyền hành pháp, cần tiếp tục làm rõ vị trí, tính chất chấp hành của Chính phủ trong mối quan hệ với Quốc hội. Thật ra sự không rõ ràng về phương diện lý luận về 3 vai trò, vị trí của Chính phủ: cơ quan hành chính nhà nước cao nhất; cơ quan thực hiện quyền hành pháp; cơ quan chấp hành của Quốc hội đang tạo ra nhiều phức tạp, thiếu thống nhất trong nhận thức và quy định của pháp luật về Chính phủ. Sự không rõ ràng, cụ thể về vấn đề này khó đảm bảo một vị thế cân bằng và khả năng độc lập của Chính phủ đối với việc thực thi quyền lực nói chung và kiểm soát quyền lực nói riêng.

Vấn đề đang đặt ra là, cần tiếp tục nghiên cứu để có quy định phù hợp, tăng cường tính độc lập, chủ động của Chính phủ trong mối quan hệ kiểm soát quyền lực với Quốc hội, tạo thế cân bằng hơn trong các quan hệ lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng và giám sát tối cao.

Trong hoạt động lập pháp của Quốc hội, cần tăng cường vai trò của Chính phủ không chỉ trong việc đề xuất chính sách pháp luật, xây dựng dự thảo luật, nghị quyết mà cần tăng cường các khả năng tác động trở lại của Chính phủ đối với cả quá trình thảo luận, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo và thông qua dự thảo. Với tinh thần đó, Chính phủ phải chịu trách nhiệm đến cùng đối với mọi dự thảo luật do Chính phủ xây dựng trong suốt quá trình làm luật. Thậm chí Chính phủ phải được quyền rút dự thảo luật ra khỏi chương trình làm luật của Quốc hội trong Chương trình xây dựng pháp luật hằng năm, thậm chí chương trình của kỳ họp nếu Chính phủ có cơ sở để cho rằng, dự thảo luật không đáp ứng yêu cầu quản trị và Chính phủ khó triển khai trên thực tiễn. Đối với các dự thảo luật không do Chính phủ trình mà do các chủ thể khác trình Quốc hội, Chính phủ cần được thể hiện rõ quan điểm của mình với tư cách là cơ quan thực hiện quyền hành pháp về các chính sách trong quy định trong dự thảo và quan điểm của Chính phủ đối với các dự thảo này phải được công bố trước Quốc hội và là một căn cứ quan trọng để đại biểu Quốc hội xem xét, cân nhắc khi thảo luận về các dự thảo luật không do Chính phủ xây dựng và trình.

Trong hoạt động quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước, Chính phủ cần được chủ động giải trình trước Quốc hội về các vấn đề liên quan, về các ý kiến của đại biểu Quốc hội, thậm chí được tranh luận, được quyền bảo lưu ý kiến của mình và đặc biệt phải là cơ quan có quyền nêu ý kiến cuối cùng về các vấn đề quan trọng của đất nước trước khi các đại biểu Quốc hội bỏ phiếu quyết định.

Trong hoạt động giám sát tối cao, Chính phủ, các cơ quan của Chính phủ không chỉ là đối tượng chịu giám sát mà còn phải là chủ thể tác động tích cực trở lại các hoạt động giám sát của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội. Sự tác động trở lại này không chỉ thể hiện trong báo cáo về việc thực hiện chính sách pháp luật trong lĩnh vực giám sát mà còn phải được giải trình, được tranh luận trước các vấn đề đoàn giám sát nêu ra. Đặc biệt, đối với các báo cáo giám sát, các kết luận giám sát, Chính phủ cần được quyền nêu quan điểm của mình về các nội dung của báo cáo, nội dung các kết luận giám sát, bảo lưu các ý kiến của mình về các vấn đề không thống nhất. Dĩ nhiên, báo cáo ý kiến của Chính phủ về báo cáo, kết luận giám sát cũng phải được công bố khi các đại biểu thảo luận và là một bộ phận trong hồ sơ giám sát của Quốc hội.

3. Tăng cường dân chủ, bảo đảm tính công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình của Quốc hội và Chính phủ trong thực hiện quyền lập pháp, hành pháp

Phát huy dân chủ, bảo đảm quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân là thuộc tính, bản chất của Nhà nước ta. Trong suốt chiều dài phát triển của đất nước, dân chủ là tiền đề, đồng thời là động lực để Nhân dân ta đấu tranh giành độc lập dân tộc, xây dựng và phát triển đất nước. Trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, yêu cầu phát huy dân chủ càng đòi hỏi Nhà nước, các cơ quan nhà nước xây dựng môi trường dân chủ, bảo đảm Nhân dân thực hiện, kiểm soát được việc thực hiện quyền lực Nhà nước. Thực tế chỉ ra cho thấy, nếu Nhà nước không tạo dựng được môi trường dân chủ thực sự thì Nhân dân không thể thực hiện được quyền lực Nhân dân, không thể kiểm soát được việc thực hiện quyền lực nhà nước. Vì vậy, tạo lập môi trường dân chủ vừa là phương tiện, vừa là giải pháp bảo đảm để Nhân dân thực hiện và kiểm soát quyền lực nhà nước. Như vậy, tăng cường dân chủ trong hoạt động của

Quốc hội, Chính phủ đòi hỏi một mặt, bảo đảm cho Nhân dân kiểm soát việc thực hiện quyền lực nhà nước; mặt khác, bảo đảm cho sự kiểm soát giữa Quốc hội và Chính phủ trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp.

Để có môi trường dân chủ thực sự, phát huy được đầy đủ quyền lực Nhân dân trong hoạt động của Quốc hội và Chính phủ thì trong hoạt động thực hiện quyền lập pháp, hành pháp, Quốc hội, Chính phủ cần bảo đảm tính công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình. Công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình trước hết là nhằm bảo đảm bản chất dân chủ của xã hội, thể hiện quyền của người dân trong việc tham gia quản lý nhà nước và xã hội. Đồng thời, công khai, minh bạch và giải trình là một trong những giải pháp quan trọng để khắc phục tệ quan liêu, tham nhũng, làm trong sạch bộ máy nhà nước, là điều kiện không thể thiếu để bộ máy nhà nước tiếp thu trí tuệ của Nhân dân đóng góp cho các hoạt động quản lý và là một yêu cầu cần thiết để thành công trong hội nhập quốc tế.

Công khai, minh bạch, giải trình trong hoạt động của Quốc hội và Chính phủ đòi hỏi sự công khai minh bạch về các thông tin liên quan đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội và Chính phủ. Công khai, minh bạch thông tin về hoạt động của Quốc hội và Chính phủ không những giúp cho người dân nắm bắt được đầy đủ thông tin về hoạt động của Quốc hội, Chính phủ, làm cơ sở cho việc kiểm soát hoạt động của Quốc hội, Chính phủ, mà còn bảo đảm cho hoạt động kiểm soát quyền lực giữa Quốc hội và Chính phủ.

Trách nhiệm giải trình của các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, người có trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ cũng đã được đề cập đến trong nhiều văn bản của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X) về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí” đã đặt ra yêu cầu: “Thực hiện nghiêm các quy định về công khai, minh bạch; bổ sung quy định bảo đảm minh bạch quá trình ra quyết định, bao gồm cả chính sách, văn bản quy phạm pháp luật và quyết định giải quyết một vụ việc cụ thể của cơ quan nhà nước các cấp”. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng cũng chỉ rõ: “...tăng cường tính công khai, minh bạch, trách nhiệm của hoạt động công vụ”. Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XI của Đảng, Hội nghị Trung ương 5 (khóa XI) tiếp tục xác định “...thực hiện việc công khai, minh bạch hoạt động của các cơ quan, đơn vị, cán bộ, đảng viên, nhất là trong những lĩnh vực dễ xảy ra tiêu cực, tham nhũng, lãng phí”. Việc thực hiện đầy đủ trách nhiệm giải trình trong hoạt động của Quốc hội, Chính phủ góp phần nâng cao tính công khai, minh bạch hoạt động của đội ngũ cán bộ, công chức cá nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Thực hiện trách nhiệm giải trình sẽ buộc Quốc hội, Chính phủ, cán bộ, công chức trong các cơ quan của Quốc hội, Chính phủ phải công khai thông tin về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình đến với người dân, xã hội và phải chịu trách nhiệm về tính trung thực của các thông tin đó. Việc làm này góp phần nâng cao tính trách nhiệm Quốc hội, Chính phủ những hệ quả xảy ra do quyết định, hành vi của mình.

Trách nhiệm giải trình giúp cho người dân thực hiện việc giám sát hoạt động của bộ máy nhà nước. Bên cạnh đó, việc thực hiện trách nhiệm giải trình còn giúp Nhân dân nhận thức

được vai trò của mình trong việc tham gia vào việc hoạch định các chính sách của cơ quan nhà nước, thực hiện quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội của công dân.

Thực hiện trách nhiệm giải trình trong hoạt động của Quốc hội, Chính phủ còn góp phần phòng, chống tham nhũng. Trách nhiệm giải trình sẽ tạo ra sự ràng buộc đối với những người có chức vụ, quyền hạn trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật. Điều này góp phần giảm thiểu nguy cơ tham nhũng, lãng phí trong hoạt động của Quốc hội, Chính phủ.

4. Tiếp tục đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với Quốc hội và Chính phủ trong hoạt động kiểm soát quyền lực

Sự lãnh đạo của một Đảng duy nhất cầm quyền trong điều kiện nhất nguyên chính trị đối với Nhà nước là một trong những đặc điểm quan trọng của tổ chức và hoạt động bộ máy nhà nước ta. Sự lãnh đạo ấy là một trong những yếu tố quan trọng chi phối mọi hoạt động của Nhà nước nói chung và các mối quan hệ kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan thực hiện quyền lập pháp, quyền hành pháp và quyền tư pháp nói riêng.

Đặc điểm yêu cầu của quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân ở nước ta đòi hỏi phải tăng cường sự lãnh đạo chính trị của Đảng đối với tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước; đồng thời, tôn trọng vị trí, vai trò độc lập của bộ máy nhà nước, không bao biện làm thay Nhà nước trong quá trình thực hiện quyền lực nhà nước do Nhân dân ủy quyền. Do đó, về phương diện lý luận và thực tiễn, chế độ pháp quyền đòi hỏi phải xác định rõ vị trí, vai trò, trách nhiệm của Đảng cầm quyền và của Nhà nước. Theo đó, nội dung lãnh đạo của Đảng cầm quyền, phương thức lãnh đạo của Đảng cầm quyền đối với Nhà nước và xã hội cần có nhận thức và xác định rõ ràng. Sự lãnh đạo chính trị của Đảng phải được phân biệt rành mạch với nội dung, tính chất quản lý, điều hành đất nước, xã hội của bộ máy nhà nước. Mô hình tổ chức và hoạt động của bộ máy Đảng phải thể hiện được yêu cầu, đặc điểm của sự lãnh đạo chính trị của một Đảng duy nhất cầm quyền thông qua các phạm vi giới hạn hình thức và phương pháp đặc thù khác với mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của bộ máy nhà nước pháp quyền. Do vậy, yêu cầu của nhà nước pháp quyền là phải thật sự đổi mới mối quan hệ giữa Đảng cầm quyền và Nhà nước trên tất cả các phương diện từ tính chất, phạm vi, quyền hạn, chức năng nhiệm vụ, trách nhiệm của Đảng và Nhà nước đến tổ chức và hoạt động của bộ máy và phương thức hoạt động.

Đảng cầm quyền là nắm quyền lãnh đạo chính trị để Nhà nước thực hiện quyền lực nhà nước, Đảng không làm thay công việc của Nhà nước. Vì vậy, không có sự phân định thẩm quyền giữa Đảng và Nhà nước trong việc thực hiện quyền lực nhà nước. Nội dung sự lãnh đạo chính trị của Đảng cầm quyền chính là quyền xác định đường lối chính trị, các chủ trương, chính sách, làm cơ sở cho các hoạt động nhà nước.

Đảng cầm quyền thông qua bộ máy nhà nước. Bộ máy nhà nước là công cụ, phương tiện cầm quyền cơ bản nhất của Đảng. Do đó, để cầm quyền tốt, Đảng phải chăm lo xây dựng, củng cố bộ máy nhà nước, đảm bảo cho bộ máy nhà nước thực hiện đúng các nhiệm vụ, chức năng theo luật định của mình.

Nghệ thuật cầm quyền của Đảng chính là nghệ thuật sử dụng bộ máy nhà nước, nghệ thuật phát huy các thế mạnh ưu việt của bộ máy nhà nước để tham mưu cho Đảng, để trực tiếp tổ chức việc thực hiện các mục tiêu chính trị của Đảng.

Vấn đề đặt ra là cần khắc phục nguy cơ đồng nhất Đảng với Nhà nước theo kiểu “Nhà nước trong Đảng” hay Đảng - Nhà nước và nguy cơ tuyệt đối hóa ranh giới giữa bộ máy đảng và bộ máy nhà nước theo kiểu tách bạch bộ máy đảng với bộ máy nhà nước, thậm chí đối lập bộ máy đảng với bộ máy nhà nước.

Các nguy cơ này thường dẫn đến những hệ quả là hạ thấp vai trò của bộ máy nhà nước, hình thức hóa bộ máy nhà nước, với tâm lý cho rằng đề cao vai trò và tính độc lập của Nhà nước pháp quyền sẽ làm suy yếu vai trò lãnh đạo và địa vị cầm quyền của Đảng; hoặc là tinh gọn bộ máy đảng sẽ tạo nguy cơ làm suy yếu năng lực lãnh đạo của Đảng, vấn đề có ý nghĩa lý luận và nhận thức cần quán triệt là Đảng chỉ có thể thực hiện tốt và đúng đắn vai trò lãnh đạo của mình khi thật sự có được bộ máy nhà nước mạnh, hoạt động có hiệu quả, hiệu lực. Do vậy, Đảng phải thường xuyên chăm lo xây dựng, củng cố bộ máy nhà nước đề cao vai trò, trách nhiệm của bộ máy nhà nước trong việc tổ chức thực hiện đường lối chính trị của Đảng. Trong vai trò là Đảng duy nhất cầm quyền, một mặt, Đảng tăng cường sử dụng bộ máy nhà nước trong việc tham mưu, đề xuất các chủ trương, chính sách, thẩm định, phản biện các dự thảo, các đề xuất về chủ trương, chính sách trước khi các cơ quan đảng có thẩm quyền xem xét, quyết định. Mặt khác, các cơ quan thuộc bộ máy đảng cần tập trung vào công tác xây dựng Đảng, tham mưu cho Đảng, các cấp ủy đảng về các vấn đề thuộc công tác xây dựng Đảng và những vấn đề thuộc quyền lãnh đạo tuyệt đối và toàn diện của Đảng. Dĩ nhiên trong quá trình thực hiện chức năng tham mưu cho các cấp ủy đảng, các cơ quan trong bộ máy đảng luôn phải phối hợp với các cơ quan nhà nước nhưng không thực hiện các công việc thuộc quyền quản lý điều hành của các cơ quan nhà nước, đảm bảo cho các cơ quan nhà nước thực hiện đúng thẩm quyền, chức năng của mình theo các quy định của pháp luật.

Về phương diện lý luận, Quốc hội chịu sự lãnh đạo của Đảng, song Đảng không thể làm thay công việc của Quốc hội. Quan hệ giữa Đảng với Quốc hội không phải là quan hệ cấp trên và cấp dưới, do đó, tổ chức đảng không áp đặt ý chí của mình cho Quốc hội. Đảng định hướng về chính sách, giới thiệu cán bộ ứng cử, Quốc hội thảo luận và thông qua các đạo luật, nghị quyết theo trình tự luật định. Tính chất mối quan hệ giữa Đảng với Quốc hội thể hiện quan hệ đặc thù giữa Đảng chính trị với cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, luôn thể hiện ý chí, nguyện vọng và lợi ích của các tầng lớp Nhân dân. Do vậy, sự lãnh đạo của Đảng đối với Quốc hội càng có nhiều đặc thù so với sự lãnh đạo của Đảng đối với Chính phủ hoặc đối với các cơ quan tư pháp. Sự đặc thù này được thể hiện thông qua phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Quốc hội. Theo đó, Đảng lãnh đạo Quốc hội bằng các đường lối, chủ trương, chính sách được thể hiện tại Cương lĩnh, các nghị quyết và các văn kiện khác của Đảng. Đồng thời, Đảng lãnh đạo Quốc hội bằng các hình thức tổ chức, thông qua Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các tổ chức Đảng được thành lập tại Quốc hội như Đảng đoàn Quốc hội, các tổ đảng tại Hội đồng dân tộc, các ủy ban của Quốc hội, các tổ đảng đoàn đại biểu Quốc hội và các đảng viên là đại biểu Quốc hội.

Sự đặc thù trong mối quan hệ giữa Đảng và Quốc hội còn được thể hiện rõ nét trong sự tác động trở lại của hoạt động Quốc hội đối với sự lãnh đạo của Đảng. Là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, Quốc hội khi thảo luận và thông qua các đạo luật, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao tác động rất lớn đến việc điều chỉnh chính sách, chủ trương của Đảng, đặc biệt là những chính sách, chủ trương chưa thuận lòng dân, “ý đảng”, nhưng chưa phải “lòng dân”. Đảng lắng nghe sự thảo luận của các đại biểu về các chính sách pháp luật, trên cơ sở đó điều chỉnh chính sách để đảm bảo “ý đảng”, “lòng dân” trong từng quyết định của Quốc hội.

Sự lãnh đạo của Đảng đối với Chính phủ có ý nghĩa đặc biệt, với Chính phủ là cơ quan có trách nhiệm khởi sự, chủ trì đề xuất và xây dựng nhiều chính sách quốc gia trình các cơ quan có thẩm quyền của Đảng để xem xét quyết định trong điều kiện xây dựng một Chính phủ kiến tạo với các chuẩn mực của chế độ pháp quyền, đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với Chính phủ đang là một đòi hỏi có tính khách quan. Sự đổi mới đó một mặt tiếp tục nâng cao hiệu quả lãnh đạo của Đảng đối với tổ chức và hoạt động của Chính phủ vừa tạo cho Chính phủ chủ động, linh hoạt và sáng tạo trong các hoạt động quản trị quốc gia.

Đối với Chính phủ, cần xác định rõ thẩm quyền đề xuất và quyết định chính sách giữa các cơ quan lãnh đạo của Đảng, Chính phủ, các loại việc phân công quyết định giữa các cơ quan lãnh đạo của Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư với Chính phủ; xác định những loại việc ở tầm Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư trực tiếp quyết định; loại việc Bộ Chính trị, Ban Bí thư cho ý kiến để Chính phủ quyết định; và loại việc Chính phủ chủ động quyết định. Ban Chấp hành Trung ương Đảng lãnh đạo Chính phủ thông qua tổ chức đảng (Ban cán sự đảng) và đảng viên, trực tiếp là người đứng đầu Chính phủ (Thủ tướng Chính phủ). Do vậy, cần quy định rõ hơn mối quan hệ công tác giữa Thủ tướng, các Phó Thủ tướng và Ban cán sự đảng Chính phủ để tránh sự trùng lặp. Đồng thời, không cần thiết phải lập Ban Cán sự đảng tại các Bộ để đảm bảo sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đối với các Bộ, vì đã có Ban Cán sự đảng Chính phủ, có nhiều Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Trung ương là Thủ tướng, Phó Thủ tướng và thành viên Chính phủ.

Trong các quan hệ kiểm soát quyền lực, cần tiếp tục đổi mới, tăng cường công tác giám sát, kiểm tra của Đảng đối với hoạt động của bộ máy nhà nước, trong việc thực hiện đường lối, chính sách và các nghị quyết của Đảng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội; có các giải pháp nâng cao trách nhiệm kiểm tra, năng lực kiểm tra, giám sát của các cấp ủy đảng, của người đứng đầu các cấp ủy đảng đối với các tổ chức đảng, các cơ quan, tổ chức nhà nước trong việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị ở mỗi cơ quan, tổ chức. Đồng thời, cần đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống các uỷ ban kiểm tra đảng, các cơ quan thanh tra nhà nước theo hướng mở rộng thẩm quyền, cơ cấu lại tổ chức và phương thức hoạt động; đa dạng hoá các hình thức kiểm tra, giám sát đảm bảo công tác kiểm tra, giám sát vừa thường xuyên vừa có trọng tâm, trọng điểm, đảm bảo thực hiện nghiêm chỉnh Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước, không gây cản trở, phiền hà cho các đối tượng được kiểm tra; đồng thời, chủ động phát hiện các vi phạm kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước, xử lý kiên quyết

và đích đáng những cán bộ, đảng viên có hành vi vi phạm kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước ở bất kỳ cương vị nào.

Trong nhận thức và nghiên cứu lý luận về kiểm soát quyền lực, cần phải khắc phục quan điểm cho rằng kiểm soát quyền lực chỉ có thể khả thi trong cơ chế chính trị có đảng đối lập như ở các nước tư bản chủ nghĩa và chỉ khi cần thiết khi quyền lực thật sự được phân quyền và đối trọng. Nhận thức này không thực sự chính xác, thiếu cơ sở, trái với nguyên lý ở đâu có thực thi quyền lực, ở đó có kiểm soát quyền lực thì ở đó mới có tự do và dân chủ. Kiểm soát quyền lực là yêu cầu tự thân của mọi nền dân chủ trong đó bao gồm cả nền dân chủ xã hội chủ nghĩa mà chúng ta đang xây dựng và trưởng thành. Do vậy, trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền lãnh đạo nhà nước ở nước ta, sự kiểm soát quyền lực cũng hết sức cần thiết và thật sự khả thi. Sự khả thi được thể hiện không chỉ ở chỗ Đảng lãnh đạo mà còn đồng thời Đảng cũng là một chủ thể kiểm soát việc thực thi quyền lực của các cơ quan nhà nước với vị thế, tính chất cầm quyền. Sự kiểm soát của Đảng đối với việc thực thi quyền lực nhà nước không thay thế sự kiểm soát lẫn nhau giữa các cơ quan nhà nước và do vậy luôn luôn cần thiết trong mọi quá trình thực hiện quyền lực theo ủy quyền của Nhân dân. Vì vậy, trong vai trò là Đảng duy nhất cầm quyền, một mặt Đảng phải tăng cường sự kiểm tra, giám sát của mình đối với tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, đảm bảo các cơ quan nhà nước luôn quán triệt và thực hiện nghiêm túc đường lối chính trị của Đảng, phụng sự ý chí, lợi ích của Nhân dân; mặt khác, Đảng phải tạo dư luận, tạo cơ chế để các cơ quan thực hiện quyền lập pháp, quyền hành pháp, quyền tư pháp. Chủ động, sáng tạo và linh hoạt trong các mối quan hệ kiểm soát lẫn nhau. Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng nhằm nâng cao chất lượng kiểm soát quyền lực, đề cao trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quyền lực Nhân dân giao phó. Đối với Việt Nam, sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước nói chung, đối với việc kiểm soát quyền lực nói riêng, không chỉ tập trung kiểm soát việc thực hiện quyền, chống độc quyền quyền lực, tha hóa, lạm quyền, mà còn phải chú trọng giám sát việc thực hiện trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, trước xã hội, trước cộng đồng doanh nghiệp và trước Nhân dân. Kiểm soát trách nhiệm, nghiêm túc truy cứu trách nhiệm đối với việc thực hiện các nghĩa vụ trước xã hội, trước Nhân dân từ phía các cơ quan của Quốc hội, cơ quan Chính phủ và đội ngũ cán bộ, công chức cần được Đảng đặc biệt quan tâm trong việc thực hiện mục tiêu “nhốt quyền lực vào trong lồng cơ chế”.

PGS. TS. Lê Minh Thông, Trợ lý Chủ tịch Quốc hội

Nguồn: lapphap.vn

[1] Xem Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII. Nxb. Chính trị quốc gia - Hà Nội, 2016. tr.173 - 174.

HƯỚNG TỚI 100.000 DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ TẠI VIỆT NAM

Xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, nền kinh tế số là một chủ trương lớn của Chính phủ. Theo các chuyên gia, bất chấp COVID-19, nền kinh tế số Việt Nam có thể tăng trưởng 2 con số ở mức 16% trong năm nay và dự báo đóng góp 30 tỷ USD vào năm 2021.

Nhiều doanh nghiệp Việt Nam đã quen với khái niệm về Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và bắt đầu đẩy nhanh hơn tốc độ số hóa, tuy nhiên họ cũng đang gặp không ít khó khăn trong vấn đề này.

Trao đổi với phóng viên Báo điện tử Chính phủ, ông Phạm Ngọc Thức, Giám đốc Vận hành Công ty cổ phần Công nghệ phần mềm OOS (OOS Software), một đơn vị chuyên cung cấp phần mềm quản trị nguồn lực cho doanh nghiệp cho biết, hiện nay doanh nghiệp Việt Nam đã bước sang giai đoạn mới, bắt đầu có những ứng dụng công nghệ mạnh mẽ vào cả 3 khu vực trọng điểm.

Thứ nhất, nhiều ứng dụng công nghệ thông tin hiện nay đã giúp doanh nghiệp tìm kiếm khách hàng tiềm năng nhanh hơn, hiệu quả hơn, tăng tính tương tác và khả năng chốt đơn hàng.

Thứ hai, các hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi của doanh nghiệp (core business) theo từng lĩnh vực hoạt động, như với doanh nghiệp ngân hàng - tài chính thì đó là các giải pháp Core Banking, Core tài chính, Core bảo hiểm. Với các doanh nghiệp sản xuất thì đó là các giải pháp tăng hiệu quả quản lý sản xuất. Với các doanh nghiệp kinh doanh bất động sản, dịch vụ du lịch - nghỉ dưỡng thì đó là các giải pháp công nghệ hướng tới việc tối ưu vận hành các dự án, khai thác các khu nghỉ dưỡng, du lịch, tiết kiệm chi phí...

Khu vực cuối cùng đó là các ứng dụng công nghệ 4.0 vào quản lý nội bộ của doanh nghiệp từ tài chính - kế toán, nhân sự, kho vận, hậu cần, văn phòng điện tử..., giúp quá trình làm việc nội bộ doanh nghiệp trở nên hiệu quả và chuyên nghiệp hơn. Rất nhiều phần mềm ứng dụng công nghệ Cloud, Robotic, Big Data... đã được cung cấp rộng rãi, giúp doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận với công nghệ, sử dụng đơn giản hơn, không phải đầu tư hạ tầng, nhân sự vận hành và tiết kiệm rất nhiều sức lao động cho các công việc lặp đi lặp lại.

Nhiều doanh nghiệp chuyên về cung cấp nền tảng kết nối việc làm và đào tạo trực tuyến chia sẻ, kể từ khi có dịch COVID-19, lượng khách hàng tăng lên rõ rệt cho thấy sự quan tâm của các đối tác doanh nghiệp trong sử dụng giải pháp trực tuyến.

Còn nhiều rào cản

Theo ông Phạm Ngọc Thức, nhiều doanh nghiệp hiện nay đã chủ động hơn rất nhiều trong việc tìm hiểu và áp dụng công nghệ 4.0, nhưng vẫn đang xảy ra tình trạng phổ biến là “cứ làm vì thấy hay, thấy đơn vị khác đã làm và làm sai đến đâu thì sửa tới đó”. Điều này cũng là một yếu tố ảnh hưởng tới tốc độ công nghiệp 4.0 thành công của doanh nghiệp Việt

Nam; bởi vì, tổng chi phí về tiền bạc, thời gian và nhân lực của doanh nghiệp khi áp dụng công nghệ 4.0 cũng không hề nhỏ.

Một khó khăn điển hình là thị trường đang thiếu những đơn vị tư vấn tổng thể chiến lược về ứng dụng công nghệ 4.0 trong tất cả các hoạt động của doanh nghiệp. Điều này dẫn tới các doanh nghiệp vẫn đang phải loay hoay trong việc đi tìm câu trả lời cho những câu hỏi phổ biến như: “Chúng tôi biết được tầm quan trọng của công nghệ 4.0, nhưng doanh nghiệp đang không biết bắt đầu từ đâu? Thực hiện số hóa cái gì trước? Cái gì sau? Nên lựa chọn những ứng dụng công nghệ nào cho phù hợp với điều kiện thực tế của từng doanh nghiệp, theo từng đặc thù của lĩnh vực ngành...”.

Khó khăn thứ hai là các doanh nghiệp đang phải đối mặt đó là những ảnh hưởng nghiêm trọng của đại dịch COVID-19, tác động nhiều tới chiến lược đầu tư công nghệ 4.0 của doanh nghiệp trong thời điểm hiện tại, các doanh nghiệp buộc phải cân nhắc kỹ các khoản đầu tư ngoài những chi phí vận hành bắt buộc.

Tuy nhiên, ông Thức cũng cho rằng, thực tế đã có một số doanh nghiệp biết chuyển hóa khó khăn thành cơ hội, tận dụng tốt thời điểm thị trường có sự chùng xuống, mạnh dạn đầu tư, nâng cấp các hệ thống quản trị, hệ thống công nghệ tăng năng suất lao động và đặc biệt là áp dụng các ứng dụng bán hàng online, làm việc online, tương tác với khách hàng online...

Ông Mạc Quốc Anh, Phó Chủ tịch, Tổng Thư kí Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa thành phố Hà Nội dẫn chứng, các doanh nghiệp vừa và nhỏ đang đối mặt với những rào cản trong quá trình chuyển đổi số như thiếu kỹ năng số và nhân lực (17%); thiếu nền tảng công nghệ thông tin đủ mạnh để cho phép chuyển đổi kỹ thuật số (16,7%), thiếu tư duy kỹ thuật số hoặc các thách thức về văn hóa kỹ thuật số trong doanh nghiệp (15,7%).

Ông Mạc Quốc Anh cho rằng, hiện số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam chiếm khoảng 98%, nhưng tỷ lệ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ vào sản xuất còn thấp.

Ông Hoàng Việt Tiến, Phó Tổng Thư ký Hiệp hội Internet Việt Nam, cũng cho rằng khó khăn đặt ra là nguồn nhân lực công nghệ khan hiếm, cạnh tranh nguồn lực cao. Cùng với đó là chi phí đầu tư nghiên cứu, chi phí hạ tầng cao; tốc độ phát triển công nghệ nhanh và áp lực cho công nghệ thay thế...

Chính phủ điện tử hỗ trợ tích cực cho kinh tế số

Theo ông Jack Nguyễn, Giám đốc khu vực của Insider (một startup cung cấp các giải pháp công nghệ marketing cho các doanh nghiệp) ở Việt Nam, Thái Lan và Đài Loan (Trung Quốc), chuyển đổi số trong nền kinh tế Việt Nam đã không chỉ dừng lại ở các ngành bán lẻ, thương mại điện tử hay thông tin - truyền thông mà trong 1 - 2 năm gần đây nó xuất hiện mạnh mẽ trong đa ngành: tài chính - ngân hàng, giáo dục, du lịch, y tế và chăm sóc sức khỏe. Vì thế, có thể nói toàn nền kinh tế đang cùng nhau chuyển mình mạnh mẽ để theo đuổi cuộc cách mạng 4.0 này.

Theo Báo cáo Kinh tế số Đông Nam Á 2020 của Google, Temasek và Bain & Company, tốc độ tăng trưởng nền kinh tế số tại Việt Nam trong 5 năm tới sẽ cao thứ hai khu vực (29%), chỉ sau Philippines (30%). Tổng giá trị giao dịch nền kinh tế số Việt Nam dự báo đạt 14 tỷ

USD trong năm 2020, tăng 16% so với cùng kỳ năm trước. Với tốc độ tăng trưởng trung bình 29%, nền kinh tế của Việt Nam thậm chí có thể đạt tới con số 30 tỷ USD vào năm 2021.

Trong những năm qua, Chính phủ Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách và quan tâm đầu tư các cơ sở hạ tầng quan trọng, phát triển ngành công nghệ thông tin - truyền thông, thúc đẩy thương mại điện tử, ứng dụng công nghệ hiện đại phù hợp với xu thế của cuộc cách mạng khoa học công nghệ nhằm góp phần thúc đẩy tăng trưởng và phát triển thịnh vượng.

Đặc biệt, Thủ tướng Chính phủ đã đặt mục tiêu đến năm 2030, Việt Nam có 100.000 doanh nghiệp công nghệ số. Thủ tướng Chính phủ cũng yêu cầu xây dựng Chiến lược quốc gia về phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam đến năm 2030, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành trong năm 2020.

Trong thực tế, thách thức lớn nhất và cũng là một trong những điểm yếu nhất của Việt Nam, đó là khoảng cách giữa hoạch định chính sách và việc triển khai trong thực tiễn.

“Việc xây dựng Chính phủ điện tử ở Việt Nam là giải pháp tất yếu, hỗ trợ tích cực cho quá trình phát triển kinh tế số trong bối cảnh hội nhập và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; tạo môi trường pháp lý minh bạch cho quá trình phát triển kinh tế số; hỗ trợ đẩy nhanh quá trình xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin, nền tảng của cho phát triển nền kinh tế số; đổi mới, nâng cao hiệu quả đào tạo nguồn nhân lực số, chuẩn bị sẵn sàng nền kinh tế số; đẩy nhanh việc số hoá các thủ tục hành chính, cung cấp các dịch vụ công, đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo môi trường số giữa Chính phủ với các doanh nghiệp”, ông Jack Nguyễn đánh giá.

Thời gian qua, Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng trong xây dựng Chính phủ điện tử, như cơ bản hoàn thành việc kết nối, liên thông các hệ thống quản lý văn bản của các Bộ, ngành, địa phương với Văn phòng Chính phủ. Việt Nam tăng 10 bậc theo đánh giá của Liên Hợp Quốc về Chính phủ điện tử.

Tuy nhiên, vẫn là một thách thức với Việt Nam khi chuyển đổi sang nền kinh tế số bởi kinh tế số dựa trên nền tảng công nghệ, Internet với tốc độ thay đổi nhanh chóng trong khi việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật lại cần thời gian để nghiệm chứng, các chính sách và cơ chế quản lý cũng cần theo kịp sự phát triển của các mô hình kinh doanh mới, nhất là các mô hình dựa trên công nghệ số.

Về hạ tầng viễn thông, internet chưa được đồng đều giữa nông thôn và thành thị. Hạ tầng thanh toán là một trong những hạn chế vì tỷ lệ thanh toán điện tử và tỷ lệ người dân có tài khoản ngân hàng/ví điện tử chưa cao. Hạ tầng chuyển phát chưa phát triển mạnh, chất lượng vận chuyển, thời gian vận chuyển, thủ tục thông quan, chi phí, các dịch vụ theo dõi đơn hàng và truy vết vẫn chưa thực sự phát triển đồng bộ và có những hạn chế nhất định.

“Thách thức cũng chính là cơ hội, quan trọng là Việt Nam cần nhìn nhận, đánh giá và khắc phục những thách thức một cách chính xác, đó sẽ chính là tiền đề để việc xây dựng Chính phủ điện tử ở Việt Nam bứt phá và vươn lên top đầu khu vực ASEAN”, ông Jack Nguyễn nhận định.

Theo đại diện Hiệp hội Internet Việt Nam, đại diện lãnh đạo Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Hà Nội cũng như các doanh nghiệp cung cấp giải pháp công nghệ, cần tăng cường hỗ trợ

và tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho doanh nghiệp khi triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động của doanh nghiệp. Khuyến khích xây dựng các giải pháp công nghệ cho doanh nghiệp, áp dụng được diện rộng. Đồng thời, có chính sách hợp tác với các công ty phần mềm quốc tế để cập nhật các xu hướng và công nghệ mới, có chính sách sử dụng các phần mềm quốc tế với chi phí ưu đãi cho doanh nghiệp. Với các dịch vụ có tính công nghệ cao, được áp dụng miễn phí, ưu đãi về thuế để doanh nghiệp sẵn sàng đầu tư dài hạn...

Nguồn: baochinhphu.vn

CHÍNH PHỦ: BAN HÀNH QUY ĐỊNH MỚI VỀ THI TUYỂN, SỬ DỤNG VÀ QUẢN LÝ CÔNG CHỨC

Ngày 27/11/2020, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc thay mặt Chính phủ ký ban hành Nghị định số 138/2020/NĐ-CP quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

Cụ thể, thi tuyển công chức được thực hiện theo 2 vòng thi, trong đó, vòng 1 thi kiểm tra kiến thức, năng lực chung với hình thức thi trắc nghiệm trên máy vi tính. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức chưa có điều kiện tổ chức thi trên máy vi tính thì thi trắc nghiệm trên giấy. Trường hợp tổ chức thi trên máy vi tính thì nội dung thi trắc nghiệm không có phần thi tin học.

Nội dung thi gồm 3 phần, thời gian thi như sau: 1. Kiến thức chung, 60 câu hỏi hiểu biết chung về hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; quản lý hành chính nhà nước; công chức, công vụ và các kiến thức khác để đánh giá năng lực. Thời gian thi 60 phút. 2. Ngoại ngữ, 30 câu hỏi theo yêu cầu của vị trí việc làm về một trong năm thứ tiếng Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc hoặc ngoại ngữ khác do người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức quyết định. Thời gian thi 30 phút. 3. Tin học, 30 câu hỏi theo yêu cầu của vị trí việc làm. Thời gian thi 30 phút.

Miễn phần thi ngoại ngữ đối với các trường hợp sau: Có bằng tốt nghiệp chuyên ngành ngoại ngữ cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển; có bằng tốt nghiệp cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp và được công nhận tại Việt Nam theo quy định; có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số hoặc là người dân tộc thiểu số, trong trường hợp dự tuyển vào công chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số.

Miễn phần thi tin học đối với các trường hợp có bằng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên các chuyên ngành liên quan đến tin học, công nghệ thông tin.

Kết quả thi vòng 1 được xác định theo số câu trả lời đúng cho từng phần thi, nếu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng phần thi thì người dự tuyển được thi tiếp vòng 2.

Vòng 2 thi môn nghiệp vụ chuyên ngành. Căn cứ vào tính chất, đặc điểm và yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức quyết định một trong ba hình thức thi: Phỏng vấn; viết; kết hợp phỏng vấn và viết.

Nội dung thi kiểm tra kiến thức về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật về ngành, lĩnh vực tuyển dụng; kỹ năng thực thi công vụ của người dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

Nội dung thi môn nghiệp vụ chuyên ngành phải căn cứ vào chức trách, tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn của ngạch công chức và phải phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển. Trong cùng một kỳ thi tuyển, nếu có các vị trí việc làm yêu cầu chuyên môn, nghiệp vụ

khác nhau thì cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức phải tổ chức xây dựng các đề thi môn nghiệp vụ chuyên ngành khác nhau tương ứng với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

Về thời gian thi, thi phỏng vấn 30 phút (trước khi thi phỏng vấn, thí sinh dự thi có không quá 15 phút chuẩn bị); thi viết 180 phút (không kể thời gian chép đề). Trường hợp lựa chọn hình thức thi kết hợp phỏng vấn và viết thì thời gian thi phỏng vấn và thời gian thi viết được thực hiện theo quy định tại điểm này.

Thang điểm (thi phỏng vấn, thi viết) 100 điểm. Trường hợp lựa chọn hình thức thi kết hợp phỏng vấn và viết thì tỷ lệ điểm phỏng vấn và viết do Chủ tịch Hội đồng thi quyết định nhưng phải bảo đảm có tổng là 100 điểm.

Trường hợp cơ quan quản lý công chức có yêu cầu đặc thù cao hơn về nội dung, hình thức, thời gian thi tại vòng 2 thì thống nhất ý kiến với Bộ Nội vụ trước khi thực hiện.

Người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức phải có đủ các điều kiện sau: Có kết quả điểm thi tại vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên. Trường hợp thi kết hợp phỏng vấn và viết thì người dự thi phải dự thi đủ phỏng vấn và viết. Có kết quả điểm thi tại vòng 2 cộng với điểm ưu tiên (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí việc làm.

Trường hợp có từ 02 người trở lên có tổng số điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng của vị trí việc làm cần tuyển thì người có kết quả điểm thi vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức quyết định người trúng tuyển.

Người không trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức không được bảo lưu kết quả thi tuyển cho các kỳ thi tuyển lần sau.

Bên cạnh đó, Nghị định cũng quy định chi tiết về: Xét tuyển công chức; Trình tự, thủ tục tuyển dụng công chức; Tập sự; Sử dụng công chức (bao gồm: bố trí, phân công công tác, điều động, biệt phái công chức; chuyển ngạch, nâng ngạch công chức; bổ nhiệm công chức lãnh đạo, quản lý; bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý; luân chuyển công chức lãnh đạo, quản lý; từ chức, miễn nhiệm đối với công chức lãnh đạo, quản lý; chính sách áp dụng đối với người có tài năng trong hoạt động công vụ); Quản lý công chức.

Đối với người làm việc trong tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý đối với những người vào làm việc trong tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp hoạt động trong phạm vi cả nước, theo chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao được áp dụng quy định tại Nghị định này.

Việc tiếp nhận vào làm công chức đối với người được tuyển dụng theo chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao àm việc trong tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp hoạt động trong phạm vi cả nước được áp dụng quy định tại Điều 18 Nghị định này...

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/12/2020.

Nguồn: moha.gov.vn

BỘ TÀI CHÍNH: BÃI BỎ HƠN

30 THÔNG TƯ VỀ LĨNH VỰC HẢI QUAN, THUẾ, PHÍ

Sau khi thống nhất với Bộ trưởng các Bộ: Ngoại giao, Công Thương, Công an, Bộ trưởng Ngày 19/11/2020, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ký ban hành Thông tư số 100/2020/TT-BTC bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong các lĩnh vực: hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; phí, lệ phí và hướng dẫn về chế độ tài chính, thủ tục hải quan áp dụng tại các khu kinh tế, khu thương mại và công nghiệp thuộc Khu kinh tế cửa khẩu.

Theo đó, bãi bỏ toàn bộ 10 văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực hải quan, cụ thể:

1. Thông tư số 91/2003/TT-BTC ngày 25/09/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc dán tem hàng nhập khẩu.
2. Thông tư số 216/2010/TT-BTC ngày 29/12/2010 của Bộ Tài chính về việc ban hành Danh mục các mặt hàng nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi, thức ăn chăn nuôi, phân bón và thuốc trừ sâu được tạm thời điều chỉnh thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng khâu nhập khẩu.
3. Thông tư liên bộ số 15/TTLB/TCHQ-TC ngày 28/01/1997 của Tổng cục Hải quan - Bộ Tài chính hướng dẫn việc in ấn, cấp phát, quản lý và sử dụng ấn chỉ ngành Hải quan.
4. Thông tư liên tịch số 77/1997/TTLT-BTC-BTM-BNV-TCHQ ngày 01/11/1997 của Bộ Tài chính, Bộ Thương mại, Bộ Nội vụ và Tổng cục Hải quan về việc dán tem hàng nhập khẩu.
5. Thông tư liên tịch số 03/2000/TTLT-TCHQ-BNG ngày 06/06/2000 của liên bộ Tổng cục Hải quan - Bộ Ngoại giao hướng dẫn thi hành Điều 4 Quyết định số 210/1999/QĐ-TTg ngày 27/10/1999 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách đối với người Việt Nam ở nước ngoài.
6. Thông tư liên tịch số 03/2001/TTLT-TCHQ-BNG ngày 21/06/2001 của Tổng cục Hải quan và Bộ Ngoại giao bổ sung, sửa đổi một số điểm quy định tại Thông tư liên tịch số 03/2000/TTLT-TCHQ-BNG ngày 06/06/2000 của Tổng cục Hải quan và Bộ Ngoại giao hướng dẫn thi hành Điều 4 Quyết định số 210/1999/QĐ-TTg ngày 27/10/1999 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách đối với người Việt Nam ở nước ngoài.
7. Thông tư liên tịch số 84/2013/TTLT-BTC-BCT-BGTVT ngày 25/06/2013 của Bộ Tài chính, Bộ Công Thương và Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện Quyết định số 48/2011/QĐ-TTg ngày 31/08/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thí điểm thực hiện cơ chế hải quan một cửa quốc gia.
8. Quyết định số 29/2006/QĐ-BTC ngày 08/05/2006 của Bộ Tài chính về việc ban hành Quy định về mẫu, hướng dẫn sử dụng, in phát hành và quản lý tờ khai nhập cảnh/xuất cảnh.
9. Quyết định số 42/2006/QĐ-BTC ngày 18/08/2006 của Bộ Tài chính về việc bổ sung Điều 1 Quyết định số 29/2006/QĐ-BTC ngày 08/05/2006 của Bộ Tài chính ban hành Quy định về mẫu, hướng dẫn sử dụng, in phát hành và quản lý tờ khai nhập cảnh/xuất cảnh.

10. Quyết định số 55/2006/QĐ-BTC ngày 11/10/2006 của Bộ Tài chính về việc bãi bỏ mẫu tờ khai nhập cảnh/xuất cảnh quy định tại Điều 1 Quyết định số 29/2006/QĐ-BTC ngày 08/05/2006 của Bộ Tài chính.

Bãi bỏ toàn bộ 05 Thông tư trong lĩnh vực thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, cụ thể:

1. Thông tư số 05/2010/TT-BTC ngày 13/01/2010 của Bộ Tài chính quy định mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi một số mặt hàng phục vụ cho việc đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe.

2. Thông tư số 101/2010/TT-BTC ngày 14/07/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc miễn thuế nhập khẩu theo quy định tại Nghị định số 04/2009/NĐ-CP ngày 14/01/2009 của Chính phủ về ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường.

3. Thông tư số 116/2011/TT-BTC ngày 15/08/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 36/2011/QĐ-TTg ngày 29/06/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành mức thuế nhập khẩu xe ô tô chở người từ 15 chỗ ngồi trở xuống đã qua sử dụng.

4. Thông tư số 28/2013/TT-BTC ngày 15/03/2013 của Bộ Tài chính điều chỉnh mức thuế nhập khẩu xe ô tô chở người đã qua sử dụng quy định tại Khoản 1, Điều 1 Quyết định số 36/2011/QĐ-TTg ngày 29/06/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

5. Thông tư số 128/2016/TT-BTC ngày 09/08/2016 của Bộ Tài chính quy định miễn, giảm thuế xuất khẩu đối với sản phẩm thân thiện với môi trường; sản phẩm từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải quy định tại Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Bãi bỏ toàn bộ 04 Thông tư trong lĩnh vực phí và lệ phí, cụ thể:

1. Thông tư số 48-TC/TCT ngày 28/9/1992 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn thi hành Quyết định số 276-CT ngày 28/07/1992 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về việc thống nhất quản lý các loại phí và lệ phí.

2. Thông tư số 63-TC/TCT ngày 28/10/1992 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc cấp phát, quản lý, sử dụng các loại chứng từ thu phí và lệ phí theo Quyết định số 276-CT ngày 28/07/1992 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng.

3. Thông tư số 78/1999/TT-BTC ngày 22/06/1999 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu phí, lệ phí theo Quyết định 53/1999/QĐ-TTg ngày 26/03/1999 của Thủ tướng Chính phủ về một số biện pháp khuyến khích đầu tư trực tiếp nước ngoài.

4. Thông tư số 37/2009/TT-BTC ngày 26/02/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc không thu phí chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O).

Bãi bỏ toàn bộ 18 Thông tư hướng dẫn chế độ tài chính, thủ tục hải quan áp dụng tại các khu kinh tế, khu thương mại và công nghiệp thuộc Khu kinh tế cửa khẩu, cụ thể:

1. Thông tư số 11/2004/TT-BTC ngày 25/02/2004 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ tài chính áp dụng tại Khu kinh tế mở Chu Lai.

2. Thông tư số 08/2005/TT-BTC ngày 26/01/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính áp dụng đối với khu thương mại và công nghiệp thuộc Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài, tỉnh Tây Ninh.

3. Thông tư số 74/2005/TT-BTC ngày 07/09/2005 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ tài chính và thủ tục hải quan áp dụng tại Khu kinh tế - Thương mại đặc biệt Lao Bảo.

4. Thông tư số 92/2005/TT-BTC ngày 20/10/2005 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2005/TT-BTC ngày 26/01/2005 hướng dẫn chế độ tài chính áp dụng đối với khu thương mại và công nghiệp thuộc Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài, tỉnh Tây Ninh.

5. Thông tư số 119/2005/TT-BTC ngày 22/12/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính áp dụng tại Khu kinh tế Dung Quất.

6. Thông tư số 26/2006/TT-BTC ngày 04/04/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính và thủ tục hải quan áp dụng đối với Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y, tỉnh Kon Tum.

7. Thông tư số 46/2006/TT-BTC ngày 26/05/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính và thủ tục hải quan áp dụng tại Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô, tỉnh Thừa Thiên - Huế.

8. Thông tư số 78/2006/TT-BTC ngày 24/08/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính áp dụng tại các khu kinh tế cửa khẩu biên giới do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý.

9. Thông tư số 105/2006/TT-BTC ngày 15/11/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính và thủ tục hải quan áp dụng tại Khu kinh tế Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa.

10. Thông tư số 07/2007/TT-BTC ngày 30/01/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính và thủ tục hải quan áp dụng tại Khu kinh tế Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh.

11. Thông tư 08/2007/TT-BTC ngày 30/01/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính và thủ tục hải quan áp dụng tại Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

12. Thông tư số 76/2007/TT-BTC ngày 05/07/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính và thủ tục hải quan áp dụng tại Khu kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam.

13. Thông tư số 162/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính và thủ tục hải quan áp dụng đối với Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh An Giang.

14. Thông tư số 18/2008/TT-BTC ngày 18/02/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính và thủ tục hải quan áp dụng tại Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, tỉnh Nghệ An.

15. Thông tư số 33/2008/TT-BTC ngày 23/04/2008 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 119/2005/TT-BTC ngày 22/12/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính áp dụng tại Khu kinh tế Dung Quất.

16. Thông tư số 45/2008/TT-BTC ngày 05/06/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính và thủ tục hải quan áp dụng đối với khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Cầu Treo tỉnh Hà Tĩnh.

17. Thông tư số 07/2010/TT-BTC ngày 14/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 45/2008/TT-BTC ngày 05/06/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính và thủ tục hải quan áp dụng đối với khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Cầu Treo tỉnh Hà Tĩnh.

18. Thông tư số 86/2010/TT-BTC ngày 10/06/2010 của Bộ Tài chính quy định phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng khu kinh tế Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02/01/2020.

Nguồn: baochinhpvu.vn

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI: BÃI BỎ MỘT SỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC HÀNG KHÔNG

Thay mặt Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Thứ trưởng Lê Anh Tuấn ký ban hành Quyết định số 1969/QĐ-BGTVT ngày 23/10/2020 về việc Công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ lĩnh vực hàng không thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.

Theo đó, danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải bao gồm: Thủ tục cấp, cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé của hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam; Thủ tục đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp.

Danh mục thủ tục hành chính công bố bãi bỏ bao gồm: Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại diện của pháp nhân Việt Nam cho hãng hàng không nước ngoài; Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại diện của pháp nhân Việt Nam cho hãng hàng không nước ngoài.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/11/2020.

Nguồn: tapchigiaothong.vn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO: BÃI BỎ 20 VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC

Ngày 03/11/2020, Bộ Giáo dục và Đào tạo vừa ban hành Thông tư số 41/2020/TT-BGDĐT bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

Theo đó, từ ngày 19/12/2020 sẽ bãi bỏ toàn bộ các văn bản quy phạm pháp luật sau đây:

1. Thông tư số 14/TT ngày 19/12/1990 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn công tác và tổ chức bảo vệ các cơ quan trường học theo Nghị định số 223/HĐBT ngày 19/6/1990 về công tác và tổ chức bảo vệ các cơ quan, xí nghiệp nhà nước.

2. Thông tư số 04/TT ngày 10/7/1990 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn và quy định quản lý xuất bản nhất thời trong ngành giáo dục và Đào tạo.

3. Chỉ thị số 26/CT-BGDĐT ngày 8/12/1992 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cải tiến và thống nhất công tác thông tin quản lý giáo dục và đào tạo.
4. Quyết định số 196/TCCB ngày 21/1/1994 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tạm thời Trường Đại học dân lập.
5. Chỉ thị số 15/GD-ĐT ngày 19/9/1994 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đổi mới và tăng cường công tác vận động phụ nữ ngành Giáo dục đào tạo trong tình hình mới.
6. Thông tư số 22/GD-ĐT ngày 23/11/1994 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thi hành Luật xuất bản trong ngành Giáo dục đào tạo.
7. Chỉ thị số 08/GD-ĐT ngày 18/4/1996 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tiếp tục tổ chức tốt Đại hội công nhân viên chức trong ngành Giáo dục đào tạo.
8. Chỉ thị số 19/GD-ĐT ngày 10/9/1996 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về tăng cường công tác giáo dục dân số - kế hoạch hóa gia đình trong toàn Ngành.
9. Thông tư số 10/2000/TT-BGD&ĐT ngày 20/4/2000 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/TT ngày 10/7/1990 Hướng dẫn và quy định quản lý xuất bản nhất thời trong ngành Giáo dục và đào tạo.
10. Quyết định số 41/2000/QĐ-BGD&ĐT ngày 7/9/2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế thiết bị giáo dục trong Trường mầm non, Trường phổ thông.
11. Quyết định số 47/2000/QĐ-BGD&ĐT ngày 8/11/2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định về thu nhập, quản lý, sử dụng số liệu thống kê giáo dục.
12. Thông tư số 50/2000/TT-BGD&ĐT ngày 29/12/2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện Quyết định số 178/1999/QĐ-TTg ngày 30/8/1999 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế ghi nhãn mác hàng hóa lưu thông trong nước và hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.
13. Chỉ thị số 53/2003/CT-BGDĐT ngày 13/11/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tăng cường công tác đảm bảo chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm trong các cơ sở giáo dục.
14. Quyết định số 39/2004/QĐ-BGD&ĐT ngày 13/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành tiêu chuẩn ngành năm 2004.
15. Chỉ thị số 02/2005/CT-BGD&ĐT ngày 31/01/2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tăng cường công tác giáo dục bảo vệ môi trường.
16. Quyết định số 75/2007/QĐ-BGDĐT ngày 12/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình bồi dưỡng kiến thức pháp luật và kỹ năng công tác pháp chế cho cán bộ pháp chế ngành Giáo dục.
17. Thông tư số 11/2009/TT-BGDĐT ngày 8/5/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định trình tự, thủ tục chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông bán công, dân lập sang cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông tư thục; cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non dân lập; cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông bán công sang cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập.

18. Thông tư số 06/2011/TT-BGDĐT ngày 11/2/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ nước ngoài của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

19. Thông tư số 25/2011/TT-BGDĐT ngày 16/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tổ chức và hoạt động của Hội đồng hiệu trưởng các Trường Đại học, Cao đẳng.

20. Thông tư số 39/2012/TT-BGDĐT ngày 5/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Trung cấp chuyên nghiệp tư thục.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ 19/12/2020.

Nguồn: baohinhphu.vn

NHÂN SỰ MỚI CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

* Thủ tướng Chính phủ:

Quyết định bổ nhiệm Trung tướng Huỳnh Chiến Thắng, Chính ủy Quân khu 9 giữ chức vụ Phó Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam.

Quyết định bổ nhiệm Thiếu tướng Nguyễn Văn Gấu, Chủ nhiệm Chính trị Quân khu 9 giữ chức vụ Chính ủy Quân khu 9.

Quyết định phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình nhiệm kỳ 2016 - 2021 đối với ông Trần Thắng, Phó Bí thư Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Quyết định phê chuẩn việc miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình nhiệm kỳ 2016 - 2021 đối với ông Trần Công Thuật, để nghỉ hưu hưởng chế độ theo quy định.

Quyết định phê chuẩn việc miễn nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình nhiệm kỳ 2016 - 2021 đối với ông Trần Tiến Dũng, để nghỉ hưu hưởng chế độ theo quy định.

Quyết định phê chuẩn việc miễn nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình nhiệm kỳ 2016 - 2021 đối với ông Bùi Đức Hình, để nhận nhiệm vụ mới.

Quyết định phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng, nhiệm kỳ 2016 - 2021 đối với ông Trần Văn Lô, Phó Bí thư Tỉnh ủy, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Quyết định phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu nhiệm kỳ 2016 - 2021 đối với ông Phạm Văn Thiều, Phó Bí thư Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2020 - 2025, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Quyết định phê chuẩn kết quả bầu bổ sung chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu nhiệm kỳ 2016 - 2021 đối với bà Cao Xuân Thu Vân, Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Quyết định phê chuẩn miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu nhiệm kỳ 2016 - 2021 đối với ông Dương Thành Trung để nghỉ hưu hưởng chế độ theo quy định.

Quyết định phê chuẩn miễn nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu nhiệm kỳ 2016 - 2021 đối với ông Lê Minh Chiến để nghỉ hưu hưởng chế độ theo quy định.

Quyết định phê chuẩn miễn nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu đối với bà Lâm Thị Sang để nhận nhiệm vụ mới.

Quyết định phê chuẩn kết quả miễn nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi nhiệm kỳ 2016 - 2021 đối với ông Đặng Ngọc Dũng để nhận nhiệm vụ mới

Quyết định phê chuẩn kết quả miễn nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi nhiệm kỳ 2016 - 2021 đối với ông Nguyễn Tăng Bính để nghỉ hưu trước tuổi và hưởng chế độ, chính sách theo quy định tại Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015.

*** Bộ Thông tin và Truyền thông:**

Ông Đỗ Công Anh, Phó Cục trưởng Cục Tin học hóa, Bộ Thông tin và Truyền thông được giao phụ trách điều hành Cục Tin học hoá, kể từ ngày 01/12/2020 cho đến khi có quyết định khác.

*** Thành phố Hồ Chí Minh:**

Ông Nguyễn Trần Phú, Trưởng phòng Phòng Quản lý ngân sách, Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Tài chính.

*** Tỉnh Hưng Yên:**

Ông Trần Quốc Văn, Phó Bí thư Tỉnh ủy được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên khóa XVI, nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Ông Phạm Văn Khuê, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Tổ chức Tỉnh ủy được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI, nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Miễn nhiệm chức danh Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khóa XVI, nhiệm kỳ 2016 - 2021 đối với ông Bùi Thế Cử, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy.

Ông Nguyễn Hùng Nam, Bí thư Huyện ủy Kim Động được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khóa XVI, nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Miễn nhiệm chức danh Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khóa XVI, nhiệm kỳ 2016 - 2021 đối với ông Nguyễn Văn Phóng (nghỉ hưu hưởng chế độ theo quy định).

*** Tỉnh Lai Châu:**

Ông Phạm Ngọc Phương, Giám đốc Sở Giao thông - Vận tải được điều động giữ chức vụ Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, kể từ ngày 01/12/2020.

Ông Bùi Quang Vinh, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Giao thông - Vận tải, kể từ ngày 01/12/2020.

Ông Bùi Tiến Thanh, Phó Giám đốc phụ trách Sở Y tế, Giám đốc Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lai Châu được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Y tế, kể từ ngày 01/12/2020.

Ông Nguyễn Thanh Trì, Phó Chánh Thanh tra tỉnh phụ trách được bổ nhiệm giữ chức vụ Chánh Thanh tra tỉnh, kể từ ngày 01/12/2020.

Ông Đèo Văn Thương, Phó Chủ nhiệm Thường trực Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, nhiệm kỳ 2015 - 2020 được tiếp nhận, bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, kể từ ngày 01/12/2020.

*** Tỉnh Nghệ An:**

Ông Nguyễn Xuân Đức, Quyền Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Ông Hồ Việt Dũng, Trưởng phòng Phòng Kinh tế ngành (Sở Kế hoạch và Đầu tư) được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Ông Kiều Trường Sơn, Chi cục trưởng Kiểm tra sau thông quan, Cục Hải quan Nghệ An được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Cục trưởng Cục Hải quan Nghệ An.

Ông Nguyễn Thành Trung, Trưởng phòng Phòng Tài vụ - Quản trị Cục Hải quan Nghệ An được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Cục trưởng Cục Hải quan Nghệ An.

*** Tỉnh Bình Thuận:**

Miễn nhiệm chức vụ nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2016 - 2021 đối với ông Nguyễn Mạnh Hùng (nghỉ hưu hưởng chế độ theo quy định).

Miễn nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2016 - 2021 đối với ông Lương Văn Hải (nghỉ hưu hưởng chế độ theo quy định).

Ông Nguyễn Hoài Anh, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2020 - 2025, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Nguồn: baochinhphu.vn